

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ CỐC ĐÁN
(NGÂN SƠN - BẮC KẠN)

1942 - 2000



BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ CỐC ĐÁN



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ CỐC ĐÁN
(NGÂN SƠN - BẮC KẠN)
1942 - 2000**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ CỐC ĐÁN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HÀ NỘI
(QUY ĐỊNH - BAN HÀNH)
1945 - 2000

BẢN CHỈ DẪN DẠNG IN VÀ CÁCH DÙNG

LỜI NÓI ĐẦU

Cốc Đán gồm hai xã Tô Khê, Cốc Đán cũ được hợp nhất từ ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Về địa lý và mối quan hệ xã hội, từ xưa Cốc Đán đã giao lưu mật thiết với các xã Thành Công, Hưng Đạo và Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, nên đã sớm tiếp nhận phong trào cách mạng từ đầu năm 1940. Từ đấy, nơi đây đã trở thành một trong những xã được đoàn thể chọn là cơ sở tin cậy trên dọc đường Nam tiến của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân hai dân tộc Dao - Tày ở đây đã có những đóng góp công sức của mình. Tre già thì măng mọc. Dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, họ hiểu biết nhiều điều mới lạ, kể cả đi nhiều nước trên thế giới, trong khi đó cũng không ít con em lại chưa biết được ngót trăm năm qua, lớp cha, ông ở quê hương mình đóng góp được những gì cho sự nghiệp cứu nước, bảo vệ và xây dựng đất nước. Lớp người sinh ra và lớn lên đầu thế kỷ XX, trong đó số người tham gia cách mạng từ thời trẻ trung nước, nay chỉ còn đếm không đến một bàn tay. Đồng chí Đồng Quang Tuấn, cán bộ lão thành cách mạng là một trong số đó.

Dù tuổi cao, sức yếu, đồng chí đã cố hồi tưởng trong ký ức của mình góp vào tập lịch sử này của xã.

Lịch sử đã đi qua hơn nửa thế kỷ, sự thiếu sót, thậm chí có điểm ít nhiều không thật chính xác cũng là điều khó tránh khỏi.

Trong quá trình biên soạn tập **Lịch sử Đảng bộ xã Cốc Đán**, Đảng uỷ đã nhận được sự đóng góp tư liệu từ các vị cao tuổi, các cán bộ, Đảng viên trong các giới, các ngành đã và đang công tác ở xã nhà.

Đảng bộ xã Cốc Đán xin chân thành cảm ơn và giới thiệu cùng đồng đạo các vị, các đồng chí cuốn lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Cốc Đán. Rất mong nhận được sự đóng góp để bổ sung cho lịch sử của xã được đầy đủ hơn.

Thay mặt

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ

Bí thư

GIA TIẾN NGÀO

CHƯƠNG I

TIẾP NHẬN ÁNH SÁNG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. CỐC ĐÁN - VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI - TRUYỀN THỐNG

1. Cảnh quan - môi trường

Sau Cách mạng tháng Tám, hai xã Tô Khê và Cốc Đán cũ hợp nhất thành một xã, mang tên Cốc Đán. Có hai tộc người cộng cư Dao - Tày, với tổng số 467 hộ của 2.566 nhân khẩu, cư trú trên 9 xóm Tày và 10 xóm Dao.

Diện tích tự nhiên 6.634 ha, đồi núi chiếm 3/4 diện tích. Đông giáp xã Thượng Ân, Tây giáp xã Trung Hoà, phía Nam chung ranh giới hành chính xã Vân Tùng và Bắc giáp xã Nam Ty (nay là các xã Thành Công, Hưng Đạo thuộc huyện Nguyên Bình - Cao Bằng), phía

Đông bắc giáp xã Kim Mã (nay là Tam Kim) có đèo Khau Giăng chia ranh giới.

Tổng diện tích, chiều ngang từ Kéo Túc sang đến Lũng Viên khoảng 10km. Bề dọc từ Cốc Coốt, Thôm Luông lên tới Phiêng Nà cũng tương tự chiều ngang.

Diện tích nông nghiệp tính đến tháng 3/2003 là 295ha, có mấy dãy núi cao: Xoọng Slén, Xoòng Tào, Nà Moóc, Phja Cùm, Phja Thán phía Tây bắc (Lũng Viên) cao 1.045m.

Sông suối có hai dòng chính: Tả Thán phát nguyên từ Khuổi Ngoài chảy qua cánh đồng Bản Sủ ra trước làng Vàng Phài. Tả Nịch bắt nguồn từ khu rừng Tát Sliạ chảy xuống Nà Ngần, chảy ra trước xóm Nà Cha, hợp lưu với Tả Thán nơi Hin Sạng - Nà Diểc cùng chảy ra Nà Vài, Hin Đăm, đổ xuống thác Đông Vuông, ra Nà Y xã Thượng Ân.

Rừng, có mấy khu rừng Xoọng Slén, Xoòng Tào, Tát Sliạ là đáng kể. Ngoài ra có mấy khu rừng nhỏ hơn như Khuổi Pứt, Đông Đăm, Đông Pầu, Slưa Thai, Khuổi Ngần... Rừng cũng chỉ có mấy loại dẻ, de, xả - bóc, xả cài, ngoài ra phần nhiều gỗ tạp... Loại cây xao xưa này được

địa phương coi là quý hiếm cũng không nhiều. Nơi nào thấy xao tự mọc, người ta thường đốn phát cây tạp xung quanh, tu bổ giữ làm khu rừng riêng của nhà, của họ tộc lớp trên.

Về khoáng sản, dọc dòng Tả Thán gần như nơi nào cũng có vàng sa khoáng. Từ xưa, người dân đã tự khai thác bằng phương pháp thủ công. Những nơi như Nà Diểu, chân đồi Khau Phắc... đã từng đào đãi nhiều. Nhưng trữ lượng có phần đọng hơn có thể dưới lòng đất xóm Vàng Phài. Đầu thế kỷ trước, viên chủ mỏ Pác Làng Clê-măng-xông đã có lần mặc cả với Chánh tổng Đồng Phúc Quý xóm Vàng Phài: *"Nếu ông lệnh dân xóm di đi nơi khác, chúng tôi sẽ trao thưởng ông ba vạn đồng⁽¹⁾".* Ông Quý đã trả lời với viên chủ mỏ: *"Dân làng này, trong đó có gia đình tôi không bao giờ đem đất tổ đổi chác tiền bạc. Tiền bạc quý giá nhưng đất tổ tiên là vô giá!"*

Trên đất xã Cốc Đán không chỉ có vàng mà còn có cả bạc. Các cụ xưa vẫn thường nhắc đến Khuổi Ngần tức suối bạc. Thời Bắc thuộc và những năm đầu thực dân Pháp chiếm đóng

⁽¹⁾ Bấy giờ một trâu nặng 3 đến 5 đồng.

nước ta, vẫn còn tiêu bạc trắng. Hàng năm thuế má đều nộp bằng bạc, bạc nén tính bằng lạng, bằng cân. Trên bổ xuống bao nhiêu, chỉ việc vào sưu bạc Khuổi Ngần, dùng dao, đục, chạm, cắt lấy đủ lượng mang đi nộp thuế.

Xúc Ninh, Xúc Ngán là người ở, nhà ông Đồng Phúc Bảo kể lại rằng: thời ấy vùng ta thuộc tỉnh Thái Nguyên. Ngày ấy đường đi luôn rừng theo đường mòn. Dọc đường đi đầy nguy hiểm, cướp bóc, thú dữ. Người đi nộp thuế coi như chỉ có ngày đi. Mổ lợn mời cả làng cùng ăn tiễn chân, coi như có thể vĩnh biệt!

Đến ngày Pháp phát hành tiền giấy, mổ bạc Khuổi Ngần được các già làng bịt kín cửa. Ngày nay, các lớp hậu duệ nghe truyền lại cũng chỉ còn như huyền thoại.

2. Cư dân và các mặt sinh hoạt.

Hơn 2/3 thế kỷ thời thuộc Pháp, Cốc Đán cũng như nhiều xã khác, cuộc sống chỉ gắn với mấy mảnh ruộng và những bãi nương. Kỹ thuật canh tác đơn sơ, cũng chỉ con trâu với cái cày bừa, trên những mảnh ruộng ven đồi như chiếc khăn xếp khổng lồ. Thuỷ lợi trông trời là chính. Ngày tết, ngày lễ, kể cả mồng một và

ngày rằm hàng tháng, chủ từ lên thắp hương nhà thần Phja Thán, chùa Nà Vài và nhà thần nông Tổng Pầu đều cầu mong được ông trời phù hộ mưa thuận gió hoà để ngũ cốc phong đăng.

Còn nương rẫy, dao quắm với chiếc cuốc bướm là phổ biến. Ấy vậy mà đến hết thế kỷ XX vẫn chưa thể hoàn toàn từ bỏ được.

Hoa màu cũng chỉ quần quanh với mấy loại đỗ trắng, đỗ xanh cùng mấy luống rau cải xào với ít mỡ gặt hình chữ thập. Vậy mà, năm nào cũng phải rào lại mảnh vườn, vì thói quen thả rông trâu bò, gà lợn để chúng phá phách. Cây ăn quả thì những năm đầu thế kỷ XX, hầu như xóm nào cũng đến hai xóm Bản Sũ, Bản Pồm kiếm mận đường, mận thếp; hoặc đến Nà Ngần leo trèo nhặt quả quanh gốc mấy cây mác cọt nhân có cơn giông đêm hôm trước. Mọi thứ đều mang tính tự cấp, tự túc, mà cũng rất ít.

Cây ăn quả trong vườn cũng coi gần như cây dại trên rừng như măng vầu, rau ngót, bò khai, đời sống còn nghèo. Ngày ấy, chưa thể có kiến thức về kinh tế hàng hoá. Từ ý thức bản năng tự hữu, một số người cũng tự phát quanh gốc giữ lấy những cây trám đen, trám trắng, kể

cả đám trúc, đám vầu, bằng cách cắm cây nêu
quần lấy để dùng. Song, ý thức tôn trọng, giữ
gìn cho nhau cũng kém, kẻ giữ người chặt, phá
của nhau từ lúc măng mới nhú.

Tuy nhiên, nói đến Cốc Đán, người ta vẫn
quen gọi với cái tên dân dã: Tổng Thán thuộc
Cốc Đán và Tổng Pàu thuộc Tô Khê. Tổng
Thán còn có ba địa danh, dân gian đã quen gọi:
Tả Thán, Nà Thán, Phja Thán. Bên Tổng Pàu
cũng có số địa chỉ tương tự. Đó là Bản Pàu,
Đông Bàu và Khuổi Pàu.

Cái duyên có có phần ngẫu nhiên ấy, hợp
nhất hai xã cũ làm một từ sau Cách mạng
tháng Tám, chẳng cần so mệnh mà cũng rất
hoà hợp.

Ngày xưa, người ta nói đến Tổng Thán là
đồng nghĩa với xã Nông tức chủ nô Đàm Văn
Nông. Bấy giờ, người ta coi xã Nông như một
biểu tượng của cả vùng Tổng Thán. Nhà họ
Đàm đến đây từ Châu Bảo Lạc (Cao Bằng).

Ngày mới đến đây, vốn liếng ông ta cũng
chỉ là hai bàn tay trắng. Là con người có sức
khỏe, cộng với cái đầu biết tính toán, chỉ trong
mấy năm vừa tự khai phá, vừa thuê mướn

bằng cơm nuôi, ông ta đã tậu sắm được số ruộng mức phú nông. Xóm Nà Cha ngày ấy có khoảng hai chục nóc nhà, hầu hết trở thành tá điền nhà họ Đàm.

Những đám ruộng vuông vức như miếng đường phen như Nà Thán, Nà Hỏ, Nà Kếng,... nếu chỉ một chiếc bừa đơn, đi một vòng từ bờ bên kia tới bờ bên này, thì bờ bên kia nước đã lảng trong vắt. Mấy thửa Nà Thán và Nà Hỏ, Nà Kếng ở thế ba chân kiềng, án ngữ cả cánh đồng làng Nà Cha. Hàng năm đến vụ gặt, Nà Hỏ 100 gánh⁽¹⁾; Nà Kếng 140 gánh và Nà Thán không năm nào dưới 180 gánh. Tất cả đều vào kho nhà xã Nồng. Gọi tá điền chỉ là một cách gọi. Không có tô tức gì mà chỉ là một bầy lao động làm công nuôi cơm. Tầu Giáo nghĩa là dưới kho. Cái kho được dựng sát trên đám ruộng đó, xung quanh vây kín bằng những búi tre gai. Ông ta cấm tiệt trẻ con không được ngắt bỏ một búp tay tre non.

Cuối tháng chạp bắt đầu cày ải. Sáng nào nhà xã Nồng cũng đến 30 chiếc cày ra đồng. Buổi trưa người nhà ra tháo chuồng thả trâu

⁽¹⁾ Một gánh = 30kg

đi chăn, con đi đầu lên đến Khau Phắc hay Mò Lả rồi, mà con đi sau cùng đang đi ra đầu xóm trên quãng đường ngót cây số.

Cái tài sản trong phát động giảm tô giữa thế kỷ XX, nhà họ Đàm không ngoài diện địa chủ cỡ bự. Trong khi đang còn sống, còn khỏe bề thế, xã Nồng đã bắt người nông dân sắm cho bộ áo quan bằng bốn tấm đá liền 1,8m và dày 0,6m/mỗi tấm.

Thế nhưng, địa phương cũng có câu ngạn ngữ: *Khổ bầu quá slam pi, mĩ bầu quá slam toi*. Nghĩa là nghèo không quá ba năm, giàu chẳng quá ba đời. Ngạn ngữ đó với người nông dân nghèo khổ lúc bấy giờ cũng chỉ là tự an ủi. Nếu không có Cách mạng tháng Tám giữa thế kỷ XX, thì chẳng riêng người nông dân nghèo Cốc Đán, mà người dân cày cả nước không chỉ nghèo ba năm mà vẫn nghèo khổ gấp trăm lần cái thời gian trong câu ngạn ngữ ấy.

Thế nhưng, đến thời mạt vận của Đàm Văn Nồng, người nông dân Cốc Đán lại có câu vè: *Sầu bầu quá xạ Nồng Tổng Thán, vằn lằng lủ lan cũng pản slán xa kin*. Nghĩa là giàu không ai hơn xã Nồng Tổng Thán, về sau con cháu cũng siêu tán kiếm ăn. Làm giàu bằng

mồ hôi nước mắt của tầng lớp cùng khổ, thì giàu có cũng chỉ nhất thời, âu cũng là phản ánh đúng quy luật của đấu tranh và phát triển, cái lẽ công bằng của lịch sử cộng đồng người.

Tuy nhiên, dưới thời thực dân Pháp cai trị, tầng lớp dân nghèo cả đời khổ vẫn hoàn khổ.

Thời Bắc thuộc dân ta đã chịu hàng ngàn năm nô lệ hoặc lệ thuộc. Đến thời Pháp xâm lược cũng ngót trăm năm bị trị.

Ngày 13/2/1888, một toán lính do một đội trưởng người Pháp tên Xec-viê kéo đến chiếm đồi Còi Mò lập đóng đồn Kéo Lẻng. Chúng đến từ Châu Bảo Lạc. Cốc Đán bấy giờ thuộc tỉnh Thái Nguyên, phủ Toòng Hoá, Châu Cẩm Hoá.

Ngày 17 tháng 2 năm ấy, chúng bắt đầu xây đồn Kéo Lẻng trên đồi Còi Mò. Từ đào đất, san nền, chặt cây xẻ gỗ đến chuyển vận đều là công sức của người dân sở tại. Công việc đồng áng làm ăn đều bị gác lại. Phu phen tạp dịch từng phiên liên tiếp, đào đất chân đồi đóng gạch, ngói, đắp lò nung tại chỗ. Đây vốn là nơi mấp mồ cao thấp nay trở thành bãi bằng quanh chân đồi. Những năm đầu chúng dùng làm bãi tập của lính. Hàng ngày, dân đi làm

nghe tiếng hô tập: Oong đơ, oong đơ... Về sau, trở thành đám ruộng mang tên gọi Nà Oong, là tên gọi bắt nguồn từ ngày đó. Ngày nay những hàng thông reo đã tuổi cổ thụ, cũng được trồng từ ngày ấy. Theo cụ Lý Văn Thánh⁽¹⁾ kể lại, thì những dãy thông được trồng vào năm sau đó, mà bản thân cụ là người đã được trồng. Trồng cây để vừa lấy bóng mát và cảnh quan. Đồn Kéo Lẻng gồm ba bốn toà nhà, lô cốt, vọng gác với hàng trăm mét thành quách xung quanh, phải tới hàng vạn viên gạch ngói. Ấy là chưa kể hàng chục tấn vôi, cát và hàng chục khối gỗ... Tất cả đều qua hai bàn tay cùng đôi vai của những người dân phu bản địa. *Xấu quan khổ, xấu mỏ miềm*, nghĩa là gần quan thì khổ, gần nòi thì nhẹ. Câu thành ngữ này ở quê ta có lẽ ra đời từ thời ấy.

Ông Gia Thiêm Cu ở Nà Cha, gia cảnh không dư dật, cũng phải bán hai sào ruộng để mua cái chức phó lý, cũng chỉ vì nạn phu phen quá khắc nghiệt. Một hôm, đồn lính Kéo Lẻng đi tuần phòng lên mạn Bắc phía Khuổi Choóc,

⁽¹⁾ Cụ Thánh người quê Khuổi Luôm xã Yên Dương, Châu Chợ Rã bị bắt đi lính (1890 - 1905) mất năm 1976, thọ 101 tuổi.

Vài Khao, ông Cu bị bắt đi phu tải. Ông cùng một bạn phu khác khiêng cáng mù vợ viên Tây đồn. Khi lội qua suối Nà Sầm trượt chân bị ngã. Mù đầm được trện mất hồn. Cả hai người phu bị viên Tây đồn đánh đến ngất xỉu. Sau chuyến phu tải ấy, thấy cực quá, ông Cu đành bán ruộng lấy tiền rút quan trên, mua được chức phó lý để khỏi đi phu. Cách đó chẳng phải chống, mà cũng bởi là việc bất đắc dĩ ông phải làm.

Cuộc sống dưới chế độ cũ cái gì cũng thấy túng thiếu, còn cái nghèo cái khổ thì có thừa. Đã ăn đói mặc rách lại còn bao thứ khác phải đóng cho nhà nước bảo hộ. Chưa kể hàng chục khoản chi phí trong xã hội cộng đồng. Ngày tết nếu để con cái sang ngõ nhà hàng xóm thì đau lòng, cho nên có câu thành ngữ *Ăn cháo đi táo* là thế. Vậy mà mọi khoản chi đều nhìn vào hạt gạo. Không hiếm nhà ăn độn khoai sọ, khoai lang để dành gạo trắng đi bán. Cuối vụ gặt, chợ Ngân Sơn hay Bằng Khẩu có nhiều gạo ra bán. Có thể được thêm vài ba hào, người ta rủ nhau đi lên chợ Tài Xoóng. Gánh gạo ba bốn chục ống lên chợ Mỏ (Háng Bó) tất nhiên vất vả. Đèo Quang Thai từ điểm canh xuống tới bờ

sông Nam Ty mấy lần ù tai. Quang Thai có nghĩa *Nai chết*. Người không bị chết như thú rừng, nhưng cũng lết quả dưa. Cả đi, về mất hai ngày trời. Ngày hôm trước đi sớm, chiều tối mới tới Phja Đén nghỉ trọ, sáng sớm hôm sau lên chợ Mỏ Tài Xoong. Cố đi sớm để gặp lúc các hầm mỏ tan tầm, đông cu - li đến mua, giá có thể hời đôi ba hào. Bán được gạo rồi vẫn chưa hết lo, khi trở về, vượt qua khỏi Phiêng Phát mới yên tâm. Chỗ này vẫn thường có những toán cướp chặn đường. Đã có người mất mạng chỉ vì phải giằng co với kẻ cướp, với mấy hào bạc nhét kín cặp quần. Còn đi chợ Ngăn Sơn, Bằng Khẩu, tuy không có gì nguy hiểm nhưng thường không được giá. Đám con cái nhà Chén Slén, Chén Choòng hai tay đứt túi quần dùng mũi dày da mặc cả, chê gạo không trắng, dìm giá.

Tuy nhiên, thời ấy bên cạnh những nhà nghèo, cũng có đôi ba nhà khá giả thuộc tầng lớp trên, ruộng hàng mẫu, trâu bò hàng đàn. Cát kỹ dưới đáy hòm hàng chục lạng bạc trắng, chưa kể những đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, xà tích... Đó là những nhà được gọi là giàu. Nó gần như vật trang sức để lấy tiếng. Năm này sang năm khác, cũng chẳng sinh lợi thêm

đồng nào. Kinh tế hàng hoá một vốn bốn lời, phần nào mới manh nha nơi phố xá châu lì.

Cho nên khi cùng ngồi chung mâm trong một đám cưới, ông Trương Văn Dú - Vàng Phài đã nói với ông Hà Văn Rôm, Bản Sủ, nhà có tiếng nhiều bạc trắng, rằng: *Tôi ra bãi soi Phú Thán hót lấy vài gánh sỏi về đổ đầy dưới gầm giường. Ai đến chơi, tôi cứ nói đấy là bạc trắng, cũng có khác gì đâu!* Từ ngày ấy đến nay, đã ngót trăm năm. Ngày nay, ta mới bước đầu khái niệm kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường. Vậy mà Thực dân Pháp luôn nói: "*Khai hoá văn minh*" nơi thuộc địa là như thế đó.

3. Cốc Đán, nét đẹp truyền thống

Cộng lại các thời bị ngoại bang chiếm cứ, nhân dân Việt Nam có đến hàng ngàn năm nô lệ hoặc lệ thuộc. Cứ mỗi thời kỳ có đạo quân từ ngoại bang đến xâm chiếm, hệ thực vật lại thường có một cây lạ xuất hiện, mà dân ta thường gắn với cái tên tướng cướp đó. Chẳng hạn: thời Nhật có cây chó đẻ nhiều nơi gọi cỏ Nhật và ngược về thời xưa: nào là Quáng Má, Lộc A Slùng, nào là *giặc cờ đen* rồi Choóng Á Dệt... những toán cướp thậm chí là những đạo

quân ô hợp kéo đến cướp phá làng mạc bắn giết dân lành.

Nghe theo các già làng, dân chúng Tổng Thán làm vườn không nhà trống, rời lên Phja Thán đắp lũy xây thành, để bảo vệ bảo tồn dòng họ nòi giống. Xung quanh ngọn núi, được chồng đá lên chỉ để một cửa ra vào. Thế nhưng, nước ăn hàng ngày phải xuống chân núi mới có nguồn nước. Giặc biết cảnh đó, cho quân vây quanh núi, hòng làm dân binh chết khát phải ra hàng. Các già làng không thiếu cách đối phó. Chờ lúc sương tan trời quang đãng, cho người dắt ngựa ra bãi bằng trước cổng, nơi đó đã mang ra mấy dậu gạo, để giữa mấy tấm phen đã rải sẵn. Bấy giờ mới cho người dùng bát xúc gạo "tưới" lên lưng ngựa.

Đám giặc dưới chân núi trông lên trên đó thấy vẫn có cả nước "tắm" cho ngựa. Chúng đành bỏ việc bao vây. Tối đến, dân binh mới xuống kín nước ăn.

Nhiều lần giặc hô quân tràn lên đồn, chờ chúng lên sát cổng thành, bên trong mới giật dây các bẫy đá. Những dàn đá xô xuống, lũ giặc phần vỡ đầu vùi xác, phần què chân gãy tay. Tốp nào sống sót giẫm lên nhau chạy tan tác.

Trong khi bên Cốc Đán lên đóng đồn ngọn Phja Thán, thì cộng đồng dân cư bên Tô Khê cũng lên đỉnh đồi Còi Mò đào hào đắp lũy chống giặc. Cụ Đồng Văn Thuê kể rằng, những cây gạo cổ thụ còn lại trên Còi Mò, là những cây cọc bờ rào thời đó còn sót lại.

Ngày Pháp đến xâm chiếm (1888) chúng xua dân đi nơi khác hoặc trở về làng cũ để chúng dùng ngọn đồi này xây thành đồn Kéo Lẻ.

Lưng chừng núi Phja Thán còn có nhà thờ thần. Trong một bức thư đề ngày 28 tháng 5 năm 1987 từ bên kia bán cầu gửi cho người em chú ở quê, cụ Đồng Phúc Hộ có nhắc đến nhà thờ này. Theo cụ biết, nhà thờ này thờ ba vị trung thần triều Lê, đó là:

Phja Thán hộ quốc đại vương thần.

Vàng Cầm thống binh đại vương thần.

Bó Rào thống binh đại vương thần.

Ba vị thần này đều có sắc phong của triều nhà Nguyễn. Do ba vị đều tử tiết, không thần phục nhà Mạc chiếm đóng Cao Bằng.

Nhà thờ này được các bộ lão Vàng Phài, Nà Cha xây lại gạch ngói hoá vào năm 1940.

Những năm đầu thập kỷ 40, nơi này đã trở thành điểm liên lạc, trú chân của cán bộ hội Việt Minh, sẽ ghi ở phần sau.

Đất Cốc Đán nghèo về kinh tế, nhưng con người không chịu nghèo về trí tuệ. Từ thế kỷ trước nơi thung lũng này, cũng có người đã làm quan hoặc công chức cấp châu, cấp tỉnh. Dĩ nhiên, nhìn từ góc độ cách mạng, số người đó cũng chỉ là những chiếc đinh ốc nhỏ, trong bộ máy cai trị đàn áp dân tình của chế độ cũ. Còn nếu nhìn ở mặt tri thức, trí tuệ cũng là cái vốn có học vấn đâu còn rất khiêm tốn. Các ông Hà Văn Tích bản Sủ, Đồng Phúc Bảo, Vàng Phài đã từng làm Tri châu một thời, riêng ông Bảo bên cạnh vốn tri thức, còn là con người có đức tính quý trọng của cải cuộc sống. Bậc công chức có các ông Hà Văn Viên, bản Sủ, Đồng Phúc Giáo, Vàng Phài đã từng làm thông sự, thừa phái nha đường. Về lĩnh vực khoa học kỹ thuật, có các ông Đồng Phúc Hộ, kỹ sư nghề rừng, Hà Tấn Lạng, Nà Coốt, ngành cơ khí, làm trưởng ga đường xe lửa Hà Nội - Lào Cai - Vân Nam (Trung Quốc) và các ông Đồng Phúc Lâm, Trương Văn Khón, Vàng Phài, là những người đầu tiên của địa phương thâm sơn cùng

cốc này biết lái thông thạo ô tô. Với trung du đồng bằng nơi đô thị, nghề đó cũng chỉ là việc bình thường kiếm sống, còn nơi núi rừng heo lánh, nó lại còn được mang ý nghĩa khác, đó là sự biểu hiện ở mặt hiếu học, ham tìm tòi những văn minh, phát triển của xã hội loài người.

Đời sống vật chất có khó khăn thiếu thốn, từ những năm đầu thế kỷ XX, nhiều gia đình đã cố bớt ăn, bớt chi dành tiền cho con cái đi học. Tuy nhiên, số đông cũng chỉ được học hết tiểu học sơ đẳng, nghĩa là cố phần đầu đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ. Còn số ít đi ra tỉnh lị cũng cố theo học hết chương trình tiểu học cao đẳng. Cả châu Ngăn Sơn không một người nào đi học tiếp được lên trung học bên Lạng Sơn, nguyên do cũng chỉ vì nghèo.

Số người học hết lớp ba, nghĩa là hết chương trình tiểu học sơ đẳng, đỗ hoặc không thi đỗ sơ học yếu lược, phần đông đều thôi học, chỉ có một số ít nhà có điều kiện ra tỉnh lị hay Phủ Thông, học tiếp lên lớp nhì lớp nhất.

Cũng do có tinh thần hiếu học, nhiều bậc phụ huynh, thua keo này cũng cố bày keo khác. Đã không thể học tiếp được quốc ngữ, quốc văn đều bàn nhau rước thầy đồ đến dạy

chữ Hán. Các ông đồ Thành, đồ Lợn đến đồ Hậu⁽¹⁾ đều là người Cao Bằng. Ở địa phương có cụ đồ Lục Thế Riệu, Hoàng Văn Dậu người Bản Duôm. Các lớp học chữ Hán lần lượt được mở ở các xóm Nà Coốt, Vàng Phài và Nà Ngần. Trong số thầy đồ, có ông đồ Hậu có tính thích giảng hồ, hầu như ít nơi ông dừng chân được nhiều ngày. Vậy mà, Cốc Đán đã giữ chân ông đến hai năm 1940 - 1941. Yếu tố níu kéo được ông đồ - nhà thơ Hoàng Đức Hậu, là do bởi tình thần ham học với lòng tôn sư trọng đạo của người dân Cốc Đán.

Kết quả sự học tuy còn ít ỏi, nhưng cũng đã có vốn phát huy, sau này có được nhà thơ Tày Nông Quốc Chấn là một minh chứng.

Tinh thần hiếu học ở đây đã biểu hiện từ đầu thế kỷ XX, về sự đòi hỏi học vấn trong quốc ngữ phổ thông. Trong khi nhà nước của chế độ cũ, không quan tâm đến sự học hành thì địa phương đã tự đi đón ông giáo Hoàng Văn Dũn người Nùng Cốc Lùng xã Vân Tùng về mở lớp dạy quốc ngữ. Năm 1930, Chánh tổng Đồng Phúc Quý xin Tri châu Trần Tín Lương mở

⁽¹⁾ Tức nhà thơ, danh nhân dân tộc Tày Hoàng Đức Hậu (1890-1945).



*Tọa đàm về việc ghi lại lịch sử Đảng bộ xã
Cốc Đán (1942-2000) ngày 6-7 tháng 2/2003*



*Đ/c Đồng Quang Tuân - Đảng
viên Cộng sản đầu tiên của xã.*



*Đ/c Nông Thị Ước - Đội trưởng
Đội xung phong Minh Khai, người
đầu tiên đến gây cơ sở tại Cốc Đán.*



*Phja Cùm, nơi diễn ra cuộc mít tinh lớn nhất tháng 11/1943
chào mừng kỷ niệm lần thứ 26 cách mạng tháng Mười Nga*



*Đ/c Nông Văn Khuyên, người
đầu tiên của xã được tuyên truyền
về cách Mạng giải phóng dân tộc*



*Đ/c Gia Quốc Toàn
một trong những hội
viên trung kiên của
xã Cốc Đán*

trường học ở Kéo Lẻng. Lúc đầu mới có lớp một, thầy giáo là ông Hà Cát Đoạt xã Dương Quang (nay thuộc thị xã). Năm sau đó mới có thêm lớp hai. Khi thầy giáo Đồng Phúc Chuởng đến thay mới có thêm lớp 3. Tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, cách mạng ra công khai, trường học tạm dừng mấy tháng. Ban Việt Minh xã giao nhiệm vụ cho ông Đồng Phúc Chuởng tổ chức lớp dạy võ lòng cho chị em phụ nữ. Đến tháng 12 năm đó, trường tiểu học Kéo Lẻng tiếp tục được mở lại, thầy giáo vẫn ông là Đồng Phúc Chuởng.

Vậy là từ năm 1930 đến 1945, trường học Kéo Lẻng vẫn chỉ có 3 lớp: đồng ấu, dự bị và lớp ba.

II. CON ĐƯỜNG MỚI

Chúng ta đều biết, Cao Bằng là một trong số tỉnh, thành sớm có phong trào cách mạng. Đầu năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước, Người dừng chân ở Pác Bó để chỉ đạo phong trào cách mạng cả nước. Hội nghị Trung ương lần thứ 8 của Đảng (5.1941), quyết định nhiệm vụ cách mạng dân tộc giải phóng và

thành lập Hội Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Hội Việt Minh. Tổng bộ Việt Minh nhận định: Cần sớm mở đường để chấp nối phong trào giữa căn cứ địa với các cơ sở trung du, miền xuôi. Có mấy hướng có thể mở đường Nam Tiến, Tổng bộ cân nhắc thấy hướng qua Bắc Kạn có phần thuận lợi hơn.

Ngân Sơn là huyện tiếp giáp các huyện Nguyên Bình, Hoà An tỉnh Cao Bằng, xã Cốc Đán liền ranh giới với các xã Kim Mã, Nam Ty (tức Thành Công), Hưng Đạo của Nguyên Bình.

Ngày 19 tháng chạp năm Tân Ty tức 4 tháng 2 năm 1942, có hai chàng trai Ma Văn Thái, Ma Văn Nguyên đến xóm Nà Cha từ Kim Mã huyện Nguyên Bình. Hai bạn trai hỏi thăm nhà anh Nông Văn Khuyển. Người ta thấy trên vai mỗi người một gánh dần sàng đến bán. Hai anh ở lại mấy hôm. Dù đã gần tết, hôm hai mươi nhăm, người ta lại thấy anh Nông Văn Khuyển đi cùng hai bạn lên Kim Mã. Hai mươi chín tết, anh Khuyển mới trở về, vẫn kịp đón giao thừa Nhâm Ngọ. Mồng 5 tết cả xóm Nà Cha có nhà anh Khuyển có khách phương xa tới xông nhà sớm nhất. Vẫn là hai bạn trẻ đã đến đôi lần dạo cuối tháng chạp.

Ở lại chơi tết hai hôm, mồng 7 tết hai anh Thái, Nguyên trở về. Anh em trong xóm tưởng đi tiễn chân bạn, không ngờ anh Khuyến lại đi với bạn chơi xuân tận Thảm Cầu.

Hôm ra về, anh Khuyến tưởng chỉ có hai bạn ra tiễn chân mình, không ngờ lại có thêm một chị nữa. Đi khỏi đầu làng đã khá xa, mà không thấy các anh chị quay về. Thì ra, lại là đợt đi công tác đầu xuân năm 1942 của các anh chị.

Lên hết dốc bên kia Khau Giáng đến Bó Pu, cả toán mới dừng chân ngồi nghỉ. Ăn *Lèng* bằng mấy loại bánh tết, ăn xong chị Nông Thị Ước có bí danh Tự Quyết đến chỗ anh Khuyến đang ngồi bên gốc cây có bóng mát. Qua những lời thăm hỏi hoàn cảnh gia đình và sự học hành của anh, chị cho biết một số điều về mục đích, tôn chỉ của Hội Việt Minh. Anh Khuyến được nghe chị Ước trò chuyện ngót giờ đồng hồ, cả nhóm mới tiếp tục hành trình.

Khi đi tới ngã ba, chị Ước rẽ xuống Thượng Ân. Hai anh Thái, Nguyên cùng đi với anh Khuyến về Cốc Đán.

Sau đó, anh em được biết, chiều hôm ấy, chị Ước đến thẳng Bản Slành. Cũng cùng nội

dung ấy, chị đã gặp được anh Hồ Ích Hậu, Đồng Văn Ngoạn và chiều tối hôm đó, hai anh cùng đi với chị đến nhà chị Liệu, Pá Diếu, Bản Duôm.

Sáng 12 Tết Nhâm Ngọ tức 28 tháng 1 năm 1942, từ Bản Duôm, chị Ước vượt đèo Nốc Phiấy sang Nà Cha, Vàng Phài. Mấy hôm ở Cốc Đán, chị Ước đã tuyên truyền và kết nạp vào hội thêm các anh Phùng Sỹ Quân, Đồng Văn Khoa và chị Phùng Thị Hỷ.

Từ năm ngoái, chị Ước đã nhiều lần đến Cốc Đán, lý dịch trong xã không ai để ý. Bà Ngời vợ ông Hưởng Nà Cha, là dì ruột của chị. Bề ngoài chị đến thăm dì của mình. Chị đã đến tìm hiểu điều tra⁽¹⁾ chuẩn bị cho kế hoạch phát triển Hội sang Cốc Đán từ đầu năm 1942.

Được tuyên truyền tổ chức vào Hội, nhiều lúc anh Khuyến vẫn có chút băn khoăn hai bạn Thái và Nguyên, đã mấy lần đi lại mà ít nói đến những điều cụ thể như chị Ước. Sau này, anh mới rõ việc tuyên truyền chính thức là

⁽¹⁾ Hồi ký của đồng chí Trọng Khánh có ghi trước khi đi huấn luyện bên Hoà An - Trọng Khánh đã giao nhiệm vụ và dặn đồng chí Hồng Quân Trắng và chị Tật Quyết cần phát triển mạnh sang Bắc Kạn. Chị Ước và các anh Thái, Nguyên sang Cốc Đán liên tục là thực hiện kế hoạch do đồng chí Hồng Quân Trắng đã giao từ cuối năm 1941.

trách nhiệm của chị Ước, người đội trưởng đội xung phong Minh Khai.

Đội xung phong Minh Khai có 5 người, đều là nữ gồm các chị:

- Chị Ước bí danh là Tụ Quyết, Đội trưởng.
- Chị Thiềm tức Xuân Dung.
- Chị Hạp bí danh là Phấn đấu.
- Chị Dừng bí danh Vân và chị Bàn⁽²⁾.

Đồng chí Văn đều chọn toàn gái là có mấy ý: Trước hết thời Pháp, nữ không phải mang thẻ như đàn ông, việc đi lại đều thuận tiện. Mặt khác, nữ giới có những đặc điểm riêng, tâm tình duyên dáng có sức cảm hoá, nhất là đối tượng khác giới. Còn trình độ khả năng, các chị cũng ngang nam giới. Điều thuận lợi chủ yếu là các chị không phải mang thẻ, nhất là thời kỳ phong trào cách mạng, bọn địch đã đánh hơi, kiểm soát gắt gao giấy tờ người lạ mặt đến các địa phương.

Từ cuối năm 1941, bốn chị em đội này đã nhiều lần vượt Khau Giáng sang Cốc Đán, Thượng Ân và Vân Tùng. Mỗi chuyến đi đều có

⁽²⁾ Chị này không hoạt động do hoàn cảnh gia đình

lý do: thăm dì ruột hoặc mua muối, bán dần sàng như kiểu anh Thái, Nguyên chẳng làm mấy ai nghi ngờ.

Xã Cốc Đán sau khi tổ chức được thêm ba người, ngay sau đó phát triển thêm một số thanh niên ở các xóm Nà Cha, Vàng Phài, Nà Ngần, Nà Vài...

Đầu tháng 2 năm Nhâm Ngọ (1942), ba người đầu tiên được cử đi dự lớp huấn luyện gồm: Đồng Văn Khoa (tức Đức Văn), Phùng Sĩ Quân (tức Vĩnh Long) và Gia Tiến Phát mang bí danh Thanh Minh. Lớp huấn luyện chỉ trong một tuần, ba ngày đầu học ở nhà đồng chí Hoàn (tức Nông Văn Lạc) xóm Phai Khắt. Còn bốn ngày sau, di lớp về nhà anh Sọn, Pác Cáp (Kim Mã), học ở trên gác tầng hai. Ba người đi học trở về, lại cử tiếp số người khác đi dự lớp huấn luyện thứ hai tổ chức ở Thảm Cầu. Lớp này, gồm các anh Gia Quốc Toàn (tức Đại Cát), Gia Tiến Đạt, Đồng Văn Tiễn, Nguyễn Đức Hải, Nguyễn Văn Thẳng, Đồng Phúc Biễn⁽¹⁾ và Phùng Sỹ Quân (đã dự lớp trước).

⁽¹⁾ Ông này đi học về nhưng không tham gia hoạt động gì.

Cả hai lớp đều do đồng chí An và đồng chí Đình trực tiếp giảng bài.

Số anh em đi dự hai lớp huấn luyện về đều hăng hái tuyên truyền phát triển hội, trước hết là xóm của mình. Sau một thời gian ngắn, xóm nào cũng có trên dưới 10 hội viên. Riêng xóm Nà Cha cả hai lớp có 04 người, khi học xong trở về, tất cả nam nữ thanh niên trong xóm đều được tuyên truyền, kết nạp vào hội, trong đó có các anh Đồng Quang Tuân bí danh Nhất Thống, Gia Tiến Yểm (tức Nội Thắng), Gia Tiến Lại tên bí danh Nhân Đức, Nông Văn Đuổng (tức Trường)... Cùng với giới thanh niên, các giới phụ nữ, phụ lão đều lần lượt được tuyên truyền kết nạp hội viên cứu quốc của giới mình. Riêng hai anh em ông Gia Tiến Sông, Gia Tiến Hưởng ta chưa dám tổ chức. Bởi gia đình ông này, có họ hàng với tên mật thám Nông Văn Phần, Nà Coốt, xã Tô Khê, hơn nữa, ông Sông lại đương làm thôn trưởng. Đầu năm 1943 mới kết nạp hai đồng chí vào Hội bằng lễ cắt tiết gà ăn thề. Lúc này xóm Nà Cha đầy đủ nghĩa là xóm "*hoàn toàn*" - nghĩa là mọi người đều gia nhập hội Cứu quốc.

Tháng 4 năm 1942, có cuộc họp với khoảng

15 hội viên đến dự, địa điểm tại nhà thờ thần Phja Thán. Cuộc họp có đồng chí Hồng Quân Trắng đến dự.

Cuộc họp với ba nội dung chính. Trước hết các hội viên đi dự lớp huấn luyện về, báo cáo đã làm được những gì, chủ yếu là việc tuyên truyền phát triển hội viên mới. Thứ hai, là phân công nhau phát triển mạnh vào Tô Khê. Việc thứ ba là bầu Ban chấp hành thanh niên gồm các anh Đồng Văn Khoa, Phùng Sỹ Quân, Nguyễn Văn Thắng, Nhất Thống và Đại Cát. Thư ký Ban chấp hành là Đồng Văn Khoa.

Đến tháng 5 năm 1942, các xóm của Tô Khê đều có hội viên cứu quốc. Nà Coốt có anh Nông Văn Quỳnh (tức Quốc Bảo). Nũ có đồng chí Đồng Thị Mẻ (Nguyệt Nga), Nông Thị Ngại (Thiên Hương)... Bản Pàu có Đồng Ích Mai (Vân Anh), Đồng Văn Cường, Gia Tiến Bách... Bản Sủ có Hoàng Văn Kính (Sái Gian), Hà Văn Rôm, Hoàng Thị Hợi... xóm Bản Pồm có các anh Đồng Văn Diêm, Đình Văn Kỳ, Trương Văn Môn, Hoàng Văn Xương...

Cũng trong tháng 5/1942, các anh Đồng Quang Tuân, Bế Đình Thiện xuống Nà Phặc, Hạ Quan, tuyên truyền và tổ chức được anh Bế

Đình Bút vào hội. Tiếp đó, anh Bút đã hoạt động sang xóm Nà Tổng, xã Lãng Ngâm... Khi trên đường trở về, các anh Quang Tuân, Thiện đã tuyên truyền giác ngộ được các ông Kinh xã Trung Quan, ông Dương Văn Sắn, Bản Và là lý trưởng đương chức, ông Ân Nà Pán cũng đương làm thủ bạ. Các ông sau này đều là cơ sở tốt, giúp đỡ bảo vệ các cán bộ Nam Tiến đi lại, kể cả những ngày tháng bị khủng bố gắt gao.

Như vậy, đột đi của các anh Tuân, Thiện đã góp phần gây cơ sở dọc đường Nam Tiến, thuận lợi cho việc đi lại sau này của nhiều cán bộ đoàn thể. Phong trào cách mạng ở Tô Khê, Cốc Đán đang phát triển thì, tháng 8 năm 1942 đột nhiên các anh Nông Văn Chung, Nông Văn Hà, Vàng Phài bị bắt lên huyện giam giữ, tra hỏi một thời gian ngắn. Kể cả anh Bế Đình Bút, Khuổi Tuổi, Hạ Quan cũng chung số phận đó. Nhờ ông Đồng Phúc Vọng giáo viên Tiểu học ở xã, lên nha đường bảo lãnh, các anh được tha.

Thấy tình hình Cốc Đán, Tô Khê bị khủng bố, đồng chí An cử hai đồng chí Lý Công (tức Nông Văn Quang) và Trọng Khánh (tức Cường), đến hai xã giúp củng cố phong trào,

chống khủng bố. Nhưng bấy giờ tình hình có phần căng thẳng, hai đồng chí đã phải quay về cơ sở Châu Thế Rục tức Nguyên Bình.

Nhưng đợt khủng bố này, cũng mới chỉ trong phạm vi hai xã Cốc Đán, Tô Khê.

1. Phong trào tạm lắng, phong trào lại lên:

Cuối năm 1942 đã phát triển được mấy chục hội viên cứu quốc khắp các xóm của xã. Tuy nhiên, hoạt động của xã còn độc lập. Sang đầu năm 1943, đồng chí An gửi cho anh Nhất Thống một bức thư, do đồng chí Liêm Sơn đưa đến. Thư đồng chí An có ba điểm. Một là cần phát triển mạnh, rộng khắp quần chúng hai xã Cốc Đán - Tô Khê, nhất là Tô Khê số hội viên hầy còn ít. Hai là giới thiệu với anh Nhất Thống biết một số cán bộ cốt cán của Thượng Ân để tiện liên hệ công tác, Ba là, nếu có họ hàng, người quen thân thuộc các xã Phúc Lộc, Hà Hiệu, Chu Hương, Nam Mẫu thì báo đồng chí An được biết.

Cũng trong thời gian này, trong một lớp huấn luyện, đồng chí An có hỏi đồng chí Đông Sơn: Đồng chí có biết Nhất Thống và Đại Cát ở Minh Khai không? Sau đó Đông Sơn (tức

Doanh Hằng), theo giới thiệu của đồng chí An vào Cốc Đán, chính thức chấp nối liên lạc gặp đồng chí Trường, và anh Biên dẫn sang gặp Nhất Thống. Từ đó hai xã Cốc Đán, Tô Khê và Thượng Ân có được liên hệ mối chính thức. Cũng từ đây các lớp huấn luyện (thường mở ở hang Rậu, bản É) đều có học viên của cả hai xã.

Thời gian này, các xóm anh em người Dao vùng cao cũng đã có cơ sở cách mạng. Tuy nhiên, bấy giờ giữa vùng cao với vùng thấp trong hai xã Cốc Đán với Tô Khê vẫn chưa có giới thiệu để liên hệ chính thức.

Đầu năm 1943, đồng chí An mới có thư do đồng chí Đông Đạt Pù đưa đến đồng chí Nhất Thống. Khi đến đưa thư, đồng chí có nhắc lại ý đồng chí An: Phải đưa tận tay đồng chí Nhất Thống, không đưa ai khác, kể cả anh rể đồng chí ấy.

Nội dung thư đồng chí An giới thiệu một số cơ sở và một số cốt cán người Dao trong Cốc Đán và Tô Khê như: Đồng chí Đông Đạt Pù Có, Xích Khuổi Ngoài, Khang Pảo, Phja Khao...

Từ khi vùng cao với vùng thấp cũng như Cốc Đán, Tô Khê với Thượng Ân đã có quan hệ

chính thức, sự cộng tác phối hợp ngày càng chặt chẽ, nên phong trào phát triển rất nhanh và mạnh mẽ. Giữa năm 1943, gần như hầu hết quần chúng các xóm đều trở thành hội viên cứu quốc. Chỉ còn vài tên làm mật thám và mấy phần tử trong lý dịch kỳ hào dao động, cơ hội là đứng ngoài tổ chức. Các giới thanh niên, phụ nữ, phụ lão và cả thiếu nhi, đều có Ban chấp hành cứu quốc của giới mình. Để chỉ đạo sự liên hiệp hoạt động của các giới, hai xã đều bầu ra Ban chấp hành Việt Minh xã. Chủ nhiệm Ban Việt Minh xã Minh Khai là đồng chí Nhất Thống, còn ở Tô Khê đồng chí Quốc Bảo làm chủ nhiệm.

Phong trào lúc này không chỉ có các xã Tổng Bằng Đức, mà đã lan rộng sang một số xã như Vân Tùng, Thuần Mang... Tổng Thượng Quan và cả Bản Và, Trung Quan, Hạ Quan, Tổng Hạ Quan.

Bọn Pháp cùng quan lại lâu nay vẫn cố xuyên tạc phong trào cách mạng chỉ là số lính bại trận. Ngày Nhật chiếm Lạng Sơn năm 1940 chạy vào dân lừa lọc kiếm ăn, thì lúc này chúng đã phải công nhận cộng sản không chỉ có ở phạm vi tỉnh Cao Bằng, mà đã tràn sang

Tổng Bằng Đức, Châu Ngân Sơn và cả một số nơi khác của Bắc Kạn.

Tháng 8 năm 1941, sau vụ giết hại đồng chí Phùng Chí Kiên ở Khau Pàn, Thực dân Pháp tăng cường lính cho đồn Châu Uý Vi Bảo ngã ba Bằng Khẩu. Đầu năm 1943, chúng đưa một trung đội lính khố xanh do tên Đội Trác chỉ huy, đến đóng lại đồn Kéo Lẻng. Nơi này là trung tâm của hai xã Tô Khê và Cốc Đán. Vậy là, hai đầu của Tổng Bằng Đức đều có đồn án ngữ, chúng nhằm ngăn chặn phong trào cách mạng lan sang từ các huyện Hoà An, Nguyên Bình bên Cao Bằng. Lúc này đồn Châu Uý Bằng Đức, có viên bang tá là Phán Sái cầm đầu. Trong tay hắn hàng ngày có số lính cơ cùng một số đông thay phiên túc trực nhằm ngăn chặn, đàn áp phong trào cách mạng. Với hai đồn lính Bằng Khẩu và Kéo Lẻng, chúng nhằm ngăn phong trào lan xuống phía nam Châu Ngân Sơn.

Đồn lính Kéo Lẻng cách xóm Vàng Phài và Nà Coốt chỉ khoảng 2 - 3 trăm mét, cách Nà Cha độ 700m. Hàng ngày, cán bộ bí mật vẫn đi lại từ Cốc Đán ra Thượng Ân và ngược lại. Một

hôm, sau lễ kỷ niệm cách mạng tháng 10 Nga lần thứ 26, hai đồng chí Hưng và Đình được ông Bảo Tín dẫn về nhà. Giữa trưa đồng chí Đình ra đầu nhà đứng trên bờ ruộng, đưa chiếc ống nhòm lên quan sát đồn Kéo Lặng. Thấy ái ngại. Ông Bảo Tín hai lần ra can, nói nếu không nghe lần sau tôi chỉ tiếp các đồng chí ban đêm thôi nhé. "*Sợ quái gì!*" - đồng chí Đình rất bạo trả lời. Đây cũng là lần đầu tiên các đồng chí An và Đình được ông Bảo Tín dẫn lên nghỉ trú chân nhà thần Phja Thán.

Như đã nêu ở phần trên, xóm Nà Cha được sớm công nhận xóm "hoàn toàn". Các cán bộ Nam Tiến qua lại, coi xóm này như một địa điểm liên lạc, tập kết, thường trực. Cả xóm từ xưa hầu hết là bạch đình, rất ít kỳ hào lý dịch, có mấy người làm lý dịch cũng rất chất phác, ngay thẳng. Nhiều gia đình thường xuyên sẵn sàng giúp đỡ cán bộ bí mật qua lại, trong đó có hai nhà đồng chí Gia Quốc Toản và Nông Văn Đuồng (tức Trường) đóng góp nhiều nhất việc tiếp tế, cơm nước, bảo vệ nhiều cán bộ qua lại.

Các đồng chí Nông Văn Lạc, Nông Văn Quang, Võ Nguyên Giáp, Lê Thuý, Hoàng

Thịnh, Cường, Quyên, Thiết Kính, Nghĩa, Hoàng Sâm, Bá Ngọc, Doanh Hằng, Lưu Minh, Kháng, Tùng, Hoa, và đương nhiên có cả các chị Tự Quyết, Minh Phượng, Bình Sinh, Minh Nga... đã đi lại, dừng chân nhiều lần ở xóm Nà Cha, mà thực tế là hai nơi nhà thờ thần Phja Thán và hang Cốc Slây.

Năm 1942, trong một lần đến họp, đồng chí Bằng có trèo lên thêm cao xem hai con hạc, làm gãy một góc thêm. Năm 1943, đồng chí bị hy sinh, có hội viên nói nhảm nhí rằng, chắc là nhà thần quả phạt (!)

Giữa lúc cao trào đang lên thì nhận được tin báo, xã cử đại biểu đi dự một hội lớn.

Cả hai xã Minh Khai, Gia Tự được cử hơn 10 đại biểu, Minh Khai có các ông Bảo Tín, Nhất Thống, Đức Văn... Gia Tự có Quốc Bảo, Văn Anh, Nguyệt Nga, Thiên Hương...

Khi đến nơi, trông thấy các tấm biển, mọi người mới biết là cuộc mít tinh kỷ niệm lần thứ 26 Cách mạng tháng Mười Nga. Có đông đủ đại biểu hai tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, và một số đại biểu Lạng Sơn. Nơi họp mít tinh ở ngọn núi Pù Mần, thuộc xã Hoa Thám, Châu Thế

Rục⁽¹⁾. Nhiều hội viên lần đầu tiên giữa ban ngày, được nhìn rõ mặt đồng chí Hưng (Đại tướng Võ Nguyên Giáp). Và cũng rất nhiều hội viên, lần đầu tiên được biết những nét chính về Cách mạng tháng Mười, về Liên bang Xô Viết, về Lê Nin... Cũng tại ngày hội lớn này, nhiều người mới được biết về phong trào cách mạng vô sản trên thế giới, và đặc biệt hiểu rõ hơn về Liên Xô và đồng minh đang đánh mạnh, thắng lớn phát xít Đức, Ý... Thế giới đang hình thành hai phe...

Trong cuộc mít tinh, các đại biểu còn được xem các đội võ trang thao diễn quân sự. Chương trình kỷ niệm khá phong phú, ngoài những phần nghe nói chuyện, thao diễn quân sự biểu dương lực lượng, còn tiến hành bầu cử Ban chấp hành một số địa phương, khu vực. Ban liên tỉnh đã cho bầu Ban chấp hành Việt Minh Châu Ngọc Quyến⁽²⁾ gồm 5 người gồm: Đồng chí Bằng, Đông Sơn, Nhất Thống, Quốc Thanh và Phù Dung, đồng chí Bằng được bầu làm Chủ nhiệm.

⁽¹⁾ Tên bí mật của huyện Nguyên Bình, Cao Bằng.

⁽²⁾ Tên bí mật của huyện Ngân Sơn.

Một nội dung không ghi trong chương trình, là phần ca hát lại chiếm nhiều thì giờ trong ba ngày hội lớn. Giờ nghỉ trưa và nhất là buổi tối, hầu như thời gian dành cho ca hát. Những bài hát *Hai Lũng Quang*, *Pì Noọng ời* rồi đến "đêm tối qua, trời tối đen mịt mù"... Chủ trì phần ca hát do đồng chí Đức Xuân, đội trưởng đội tuyên truyền Hồng Phong, trong đội tuyên truyền có chị Minh Phượng. Thấm đẫm vào tâm tình máu thịt của quảng đại hội viên, quần chúng, đều được bắt nguồn sâu đậm từ ngày hội này.

Qua ba ngày hội họp, gặp gỡ giữa đại biểu các địa phương với các đồng chí đại diện tổng bộ Việt Minh, Ban Liên tỉnh, mọi người đều có sự thu hoạch sâu đậm, để lại ấn tượng sâu sắc, phấn khởi và tin tưởng ở cuộc cách mạng dân tộc giải phóng.

Chiều ngày 12 tháng 10 năm Quý Mùi (tức 9 tháng 11 năm 1943), kết thúc ngày hội lớn. Dưới ánh trăng trung tuần, các đoàn đại biểu ra về, vừa đi vừa sáng dần lên, "nhìn rõ" những quãng đường vượt suối băng rừng trở về cơ sở, trong lòng mỗi người đều mang đầy lòng tin, quyết tâm và hứa hẹn.

Nhằm khuếch trương kết quả cuộc kỷ niệm cách mạng tháng Mười Nga, khi trở về chỉ ba hôm chuẩn bị, hai xã đã phối hợp tổ chức cuộc mít tinh ở ngọn Phja Cùm. Ngoài những thành phần ở xã, còn mời thêm số đại biểu các xã Thượng Ân, Bằng Đức đến dự. Đây là cuộc mít tinh đông nhất từ ngày có phong trào cách mạng ở xã với con số không dưới 500 người. Ngoài số lượng thành phần mời, còn có số anh em ở Bản Và, Hà Hiệu đến thăm anh em họ hàng, cũng được mời đến dự. Sự chuẩn bị khẩn trương, tích cực và kín đáo. Bên cạnh phần tổ chức và nội dung, thì việc chuẩn bị mặt vật chất cũng được quan tâm. Chị em xóm Vàng Phài phải chuyển gạo nếp, tẻ vào Nà Ngần nấu nướng đồ xôi vì Vàng Phài gần đồn Kéo Lẻng, sợ lộ. Phja Cùm cao khoảng 700m, cách đồn lính khoảng 1.000m. Lính trong đồn không thể trông thấy ánh sáng và tiếng nói, hát cũng chỉ vọng qua trên đầu bọn chúng.

Đại diện cấp trên hôm đó có các đồng chí Nông Văn Lạc, Thiết Kính và nữ đồng chí danh ca Minh Phượng trong Ban tuyên truyền Hồng Phong đến dự.

Cũng như cuộc mít tinh mấy hôm trước, ở Pù Mẩn, sau phần nói chuyện là phần ca hát. Khi giọng hát chị Minh Phượng cất lên, tất cả im lặng như để nuốt lấy từng lời. Đêm hôm ấy, thừa nhiều xôi đỗ các loại là do mọi người bị cuốn hút vào không khí sôi nổi của cuộc mít tinh. Các cụ phụ lão cũng bất chấp trời khuya, sương muối. Kết thúc cuộc mít tinh, trên đường về các ngã đã nghe tiếng gà gáy từ các xóm làng vọng tới.

Vào giữa năm 1943, phong trào cách mạng ở hai xã Cốc Đán, Tô Khê nói riêng và châu Ngân Sơn nói chung, đã phát triển rộng, đồng chí An có ý định phát triển sang hai châu Nà Rì và Chợ Rã. Đồng thời gọi, bàn và giao đồng chí Quang Tuân nhiệm vụ và mục tiêu đó. Đồng chí Đồng Quang Tuân bàn với anh Nguyễn Văn Âm về cách thức đi. Anh Âm có người bạn đồng canh ở Nà Toàn, xã Lương Thượng, ông Đinh Duy Thiện, chánh tổng đương chức. Hai người đến được ông tiếp với thái độ hồ hởi, ưng thuận, nhất là sau khi được đọc qua mấy tờ báo *Việt Nam độc lập*. Những năm 1950 ông được cử làm chủ tịch Mặt trận Liên việt Châu Nà Rì.

Sau hướng này, tổ công tác Nam Tiến gồm: Đồng chí Đồng Ích Mai, Nhất Thống, Đức Văn, Nội Thắng, và nữ đồng chí Tự Quyết đi xuống vùng Hà Hiệu, Phúc Lộc châu Chợ Rã. Kết quả là đã tuyên truyền tổ chức được các ông Lịch, Thượng, Biện, Cử, Nhu, Mạch xã Hà Hiệu, và các ông Bảo, Tần, Hưởng, Ma xã Phúc Lộc... tiếp đó, anh Quang Tuân cùng hai anh Đức Văn, Nội Thắng vượt phố Chợ Rã đến Nam Mẫu quanh Hồ Ba Bể. Kiểu "cóc nhảy" này cũng có kết quả, nhưng cũng đã vào cuối năm, giáp Tết. Tuy nhiên, địch cũng đã phát hiện ra được những hoạt động của các Hội, đặc biệt qua vụ ám hại đồng chí Đức Xuân, bọn quan lại trên tỉnh đã đánh hơi và tổ chức lại lực lượng tuần tra, kiểm soát. Kế hoạch tạm lắng lại. Các tổ công tác Nam Tiến đều rút về dự hội nghị tổng kết. Hội nghị này vừa tổng kết công tác Nam Tiến, vừa lên kế hoạch chống khủng bố và nội dung phương hướng hoạt động năm 1944.

2. Khủng bố và chống khủng bố

Đợt khủng bố thứ hai bắt đầu từ cuối năm 1943. Phạm vi khủng bố đợt này ở cả hai tỉnh

Cao Bằng - Bắc Kạn. Tỉnh ta bị khủng bố nhiều nơi nhưng tập trung là Ngân Sơn. Cuối năm 1943, chúng mở một đợt như một chiến dịch lục soát vây bắt. Chúng lập ra ba toán đi ba hướng. Toán xuống tổng Hạ Quan do một viên đội khố xanh cầm đầu. Chúng đến lục soát nhà ông Tạ, Nà Phặc, thủ hạ đương chức, chẳng thu được tang vật gì. Chúng đi thẳng vào Bản Và, lục lợi nhà ông Dương Văn Sắn, cũng đương chức lý trưởng, chẳng kiếm được gì để buộc tội. Toán thứ hai, chúng coi hướng này có phần quan trọng hơn, nên tri châu Hoàng Mạnh Khuê cùng châu đoàn Cáo sinh Phát, đích thân cầm quân đi thẳng xuống Thuần Mang. Chúng đến vây bọc lục soát một số nhà, cũng chừng hững không kiếm được tang vật gì. Và một toán nữa, toán thứ ba này đi Thượng Ân, Cốc Dán. Chúng coi hướng này là hướng nguy hiểm nghiêm trọng hơn thì phải, cho nên đích thân tên Chánh mật thám Ha Ler cầm đầu toán này. Đi khỏi Đông Chót đến Nà Cà, chúng vào kiểm soát nhà ông Nông Văn Vắn, không được gì. Chúng đi luôn vào Nà Pán, bao vây lục soát gia đình anh Đồng Văn Hàm, tức đồng chí Bằng, cũng trắng tay. Từ đây, chúng

phóng ngựa thẳng vào Tô Khê, đến khám xét lục lợi nhà anh giáo Nông Văn Bọc, Nà Coốt. Nhà anh có nhiều sách vở Quốc văn, Pháp văn đủ cả. Chúng cạy hết hòm xiềng, tủ sách tung toé, kết quả cũng trắng tay.

Thực ra, các nơi chúng đến, đều do mật thám báo lên chẳng sai. Nhưng về luật pháp, không kiếm được tang vật gì là cách mạng, là "Phản quốc", chúng cũng đành chịu. Không thể bắt ngay anh giáo hương sư cũng vì thế. Nhưng khoảng hai tháng sau đó, dù không có chứng cứ, anh giáo Bọc cũng bị bắt.

Từ cuối năm 1943, sang đầu năm 1944, tức đêm 13 rạng ngày 14 tháng chạp Quý Mùi ở Lũng Coóc, xã Quân Bình (Bạch Thông). Đồng chí Đức Xuân bị ám hại; ngày 14 tháng 2 năm 1944 tức 21 tháng Giêng Giáp Thân, đồng chí Bàn Văn Hoan bị bắt, khi đang đến công tác ở Lũng Viên. Tiếp đó 24 tháng 2 năm 1944, tức 1 tháng 2 Giáp Thân, đồng chí Năm (tức Mỹ Thanh) cũng bị mưu sát ở Bản Loạng - Nà Khang xã Thiệu Quang. Và, 22 tháng 3 năm 1944 tức 28 tháng 2 Giáp Thân, bọn chó săn khiêng đầu đồng chí Hồng Giang ra nộp bề trên ở chợ Phắc Giang, Hà Hiệu, để dâng công

và lĩnh muối thưởng, mà chúng đã giết đồng chí tối hôm trước. Chưa hết, chiều 14 tháng 2 năm 1944 tức 18 tháng 3 năm Giáp Thân, đồng chí Đồng Văn Hàm (tức Bằng) bị hi sinh bên chân thác Quang Làng, xã Bằng Đức, trong khi bà mẹ ở nhà để dành bánh trứng kiến chờ con về!

Cũng lúc đó, lệnh quan trên bắt dân dồn bản và rào làng. Những xóm lẻ một, hai nhà như Nà Khẩu phải dọn xuống Nà Vài. Xóm Nà Coốt mấy nhà hàng dưới nguồn nước, phải dồn lên hàng trên và rào kín chung quanh, chỉ để chừa một cổng ra vào. Riêng nhà Nông Văn Phấn được ngoại lệ, vì y là một mật thám, tin cậy đặc lực của chúng.

Đúng vào ngày đồng chí Đức Xuân bị hãm hại, thì cũng là thời điểm ta đón đường bắn chết hụt tên mật thám La Văn Cung.

Sự kiện do đoàn hộ lương diệt ác thực hiện ở Bó Bể hôm 8 tháng 4 năm 1944, tức 16 tháng 3 Giáp Thân, có tác dụng cảnh báo cho lũ mật thám, tay chân chống phá phong trào cách mạng. Riêng ở xã Cốc Đán, có ba tên chó săn đặc lực cho Pháp, Nông Văn Phấn, tên Mông và tên Ích, dân làng quen gọi bếp Ích. Tên này

đang là lính khố xanh đóng trên đồn Kéo Lẻng. Các đồng chí Hội viên trung kiên, sau khi cân nhắc kỹ càng đều nhất trí trừ khử tên Mông. Về biện pháp bảo đảm bí mật tuyệt đối.

Tuy nhiên, khi thấy vắng bóng, bè lũ chúng cũng có thể biết, nhưng sự thể diễn ra lúc nào thì bọn chúng không hề biết gì. Giết tên Mông vào tháng 6 năm 1944 đang là lúc địch khủng bố gắt gao nhất.

Đúng là "đập sắt phải đập vào lúc đang hồng" - đồng chí Văn đã nói như vậy.

Cuối tháng 9 sang đầu tháng 10 năm Giáp Thân, xã ta có một sự kiện nhỏ. Tuy chỉ là chuyện nhỏ nhặt mà cũng có khá nhiều người để ý vì cái sự chưa từng có. Người ta đang gặt ngoài đồng, bỗng trông thấy một đàn khỉ đếm đúng 9 con. Chẳng biết từ đâu kéo đến, cả đàn cứ nhảy thẳng hướng leo lên đồi thông, đồn lính Kéo Lẻng. Đội Trác và đám lính khố xanh cũng chẳng dám nổ súng.

Rừng núi Cốc Đán hàng trăm năm nay, có bao giờ người ta nhìn thấy khỉ, vượn, như ở vùng Khang Ninh, Nam Mẫu, Hồ Ba Bể. Điều làm cho bọn lính đã không dám bắt mà lại mất ngủ là bởi năm Thân lại là năm cầm tinh con



← Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ qua các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và bảo vệ biên cương tổ quốc.

↓ Bãi Cốc Phát, nơi diễn ra cuộc mít tinh và nghe chủ trương mới của Việt Minh (tối 21/3/1945) chứng kiến sự đầu hàng Cách mạng của viên đồn trưởng (Đờ Đông)





*Phja Thán, nơi có nhà thờ thần, địa điểm liên lạc,
đưa đón đoàn cán bộ Việt Minh những năm 1942 – 1944*



*Đlc Nông Văn Noan,
Bí thư đầu tiên chi bộ
Cốc Đán (1947)*



*Đlc Nông Văn Duồng và
gia đình đã có công giúp
đỡ cán bộ Việt Minh
những năm 1942 – 1944*

khỉ. Đồn lính có mấy thầy quyền biết tý chút chữ nho, thích xem tử vi thì càng lo lắng, bàn luận với nhau về cái sự không đầu này.

Ấy vậy, khoảng một tháng sau, cả đồn lính đã vội vàng cuốn gói rút ra đồn Bằng Khẩu. Đương nhiên, việc rút đồn lính của chúng là do phong trào cách mạng khu căn cứ địa đã phát triển thành cao trào⁽¹⁾. Và lúc này, diễn biến tình hình thế giới đang sôi động. Hồng quân Liên Xô đang tiến sát Bá Linh. Hàng ngày máy bay đồng minh đang chặn các hướng quân phát xít Nhật bên Đông Á, Thái Bình Dương...

Thế nhưng, bấy giờ, ai cấm được cửa miệng dân gian bàn tán: Khỉ leo lên chiếm đồi thông lại vào năm Thân là điều gở đến với đồn lính khố xanh, nó mách bảo số phận chế độ cai trị của Pháp chỉ còn tính từng ngày mà thôi...

III. ĐÓN MỪNG TIẾNG HÁT ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

Ngày tận số của thực dân Pháp và bè lũ tay sai đã đến, bọn quan thầy bề trên vẫn còn cố

⁽¹⁾ Hai đồn Phai Khắt, Nà Ngần đã bị Đội quân Giải phóng xóa bỏ từ cuối tháng 12 - 1944.

núu kéo cái số phận mỏng manh đổ vỡ đến nơi. Trưa ngày 24 tháng Giêng năm Ất Dậu, một đám lâu nhâu cũng cuồi ngựa yên da, kéo đến Cốc Đán, vào làng Vàng Phài, đến nhà lý trưởng. Gọi là đến kinh lý, thực chất chúng đến nhằm chấn an lũ tay chân sau ngày nghe tin quân cách mạng đã diệt hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần. Khi đi vào đầu làng, người ta thấy có viên Chánh sứ Pháp, theo là Chánh án Đình Ngọc Phụng, Tri châu Hoàng Mạnh Khuê và cả viên Tây đồn Ngân Sơn...

Chúng khuyến dụ bọn tay chân, có cả một vài lý dịch không đến giờ đồng hồ đã vội vàng lên yên ngựa. Đi ra Thượng Ân rồi lại vội đi ngay ra Bằng Đức. Sự vội vã đó, chắc là bọn chúng đã nhận được tin không lành về âm mưu của Phát xít Nhật ở Đông Dương, đối với số phận bọn chúng.

Hôm ấy, cũng là lần cuối cùng sau ngót bảy chục năm, người phu ở xã Cốc Đán chấm dứt cái thời cật cổ ngựa cho quan trên đến kinh lý.

Vừa đúng hai tuần sau, ngày 21 tháng 3 năm 1945 tức 8 tháng 2 Ất Dậu, đồng chí Văn đến Cốc Đán. Đi cùng đồng chí có một bộ phận Giải phóng quân. Mấy năm trước, đồng chí

Văn đã nhiều lần đến xã Minh Khai. Lần này đồng chí đến, đúng ra là trên đường Nam Tiến, có công việc quan trọng và cấp bách, mà đồng chí phải dừng chân để giải quyết. Đồng chí vừa dự xong cuộc mít tinh ở Thượng Ân buổi sáng, đi vào đến Vàng Phài đã phải bàn và giải quyết nhiều vấn đề cấp bách với các đồng chí phụ trách ở xã.

Chiều gần tối, đồng chí Văn lại tiếp nhận sự đầu hàng cách mạng của Đờ Đôn, viên đồn trưởng Ngân Sơn. Đi với Đờ Đôn còn có cả vợ hắt và hai viên chủ mỏ Pác Lãng, Khẩu Liêu, và cả trung đội lính khố xanh, mang đầy đủ vũ khí đến trao nộp. Đờ Đôn nói, chấp nhận cộng tác với Việt Minh cùng chống Nhật, nhưng thực chất, họ đã phải chịu đầu hàng cách mạng. Còn anh em lính khố xanh khi sang đến Chợ Rã, ai có nguyện vọng ta chấp nhận cho họ được gia nhập đội quân cách mạng, còn những người muốn trở về gia đình, ta cấp giấy đi đường cho họ về quê, tất nhiên súng ống đều nộp cho quân giải phóng.

Khi ấy, ở Vàng Phài trời cũng đã gần tối, đồng chí Văn ngồi tiếp chuyện Đờ Đôn cùng hai chủ mỏ và một số đồng chí trong Ban Việt

Minh hai xã Minh Khai, Gia Tự. Tất cả đang ngồi quanh dãy bàn ghế ngoài sân nhà ông Giáo và ông Chuởng.

Đồng chí Nhất Thống, với thái độ đang hoàng, từ tốn và tự tin, đi vào chỗ các vị đang ngồi trò chuyện. Đồng chí giơ tay chào đồng chí Văn mà cũng là chào chung cả tập thể đang ngồi đó:

- Kính thưa đồng chí Văn, đại diện Tổng bộ Việt Minh!

Thưa toàn thể các quý vị!

Thay mặt cho toàn thể hội viên và quần chúng cách mạng xã Cốc Đán - đồng chí Nhất Thống nói bằng tiếng Tày Thán - tôi xin được kính chào vị đại diện thượng cấp - đồng chí Văn kính mến, cùng các vị tân chiến hữu đã đến cùng chúng tôi cộng tác kháng Nhật. Cách đây một tuần lễ, chúng ta còn là kẻ thù của nhau. Thời thế chuyển biến chung trên toàn thế giới và sự phát triển cao trào của cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của Việt Nam, đã tạo ra điều kiện thuận lợi và tất yếu, chúng ta được gặp nhau hôm nay, được coi nhau là bạn, để cùng đứng trong hàng ngũ đồng minh tiêu diệt phát xít Nhật Bản!

Nhân dân chúng tôi, lâu nay đã một lòng tin tưởng và ủng hộ đoàn thể Việt Minh, đoàn kết chống xâm lược để giành độc lập đất nước và tự do cho dân tộc...

Chúng tôi cũng tin và mong rằng, các bạn đã có lòng cộng tác hãy vững tin con đường mà các bạn đã chọn. Xin chúc sức khoẻ vị đại diện thượng cấp, cùng các vị để ngày mai chúng ta lên đường giành thắng lợi...

Nói xong, đồng chí Nhất Thống giơ tay chào lần nữa và lui ra hai bước, tay vịn thành ghế, không ngồi. Viên đồn trưởng Đồ Đông liền đứng dậy trình trọng đến bắt tay Nhất Thống, đầu cúi chào tỏ thái độ cảm ơn, và lần lượt hai chủ mỏ, kể cả mụ đầm đều đến bắt tay Nhất Thống. Tiếp đó, đồng chí Văn đứng lên trình trọng dịch sang tiếng Pháp.

Trong khi nghe, viên Tây Đồn cùng mụ đầm và hai chủ mỏ đều tỏ ra chăm chú, thỉnh thoảng gật đầu kèm theo nụ cười. Nghe xong phần dịch, Đồ Đông đứng dậy bắt tay đồng chí Văn đáp lễ và cảm ơn tất cả cử tọa. Ông cai Xuân thợ nề đứng nép góc tường ngoài hiên nghe lỏm, khi tan cuộc trò chuyện, chuyển bàn ghế vào nhà, ông nói: Góm, đồng chí Văn nói

tiếng Tây cứ như cháo chảy. Bọn họ tỏ ra phục ông Thượng cấp Việt Minh lắm. Trong khi Nhất Thống nói, người ta để ý, mục vợ Tây đồn rất chăm chú theo dõi, dù không hiểu tiếng vẫn tỏ vẻ ngạc nhiên, khâm phục. Nhân nói mục đầm này, còn một nét nhỏ là, từ ngõ gác đến giạt mình. Chẳng là ở bữa cơm chiều hôm ấy, trong khi đồng chí Văn đang ngồi ăn với họ, mấy đội viên đi ngang qua hiên nhà trông thấy đồng chí, anh em đứng lại bỗng sùng chào. Ngày ấy, chào theo kiểu bỗng sùng lên hơi giờ ra phía trước. Thoạt trông thấy thế, mục vợ Đờ Đông tuột tay, cả cùi dĩa rơi xuống gầm bàn. Đúng là có tật giạt mình.

Thế nhưng, sự ngạc nhiên của mục đầm chưa bằng sự kinh ngạc của ông Đồng Phúc Giáo nguyên thừa phái nghỉ hưu. Khi ngồi nghe Nhất Thống nói lúc chiều, ông tỏ vẻ thán phục, nhất là khi Nhất Thống nói xong, viên Tây đồn và cả hai chủ mỏ đều đứng dậy đến bắt tay cảm ơn. Ông phục ở chỗ: Tuổi tác thì đạo cơn cháu mình, được cách mạng giáo dục mà đã giỏi đến như vậy. Quả đúng là lạt buộc tre già. Mình làm công chức đã hàng chục năm, mà làm sao hiểu biết được những đại sự ấy...

Hôm ấy, một cuộc mít tinh khá đông, tổ chức ở Cốc Phát sau làng Vàng Phài. Thành phần đến dự có đủ các giới. Nhiều người không kịp báo chỉ nghe tin cũng đến. Nỗ lực với không khí cách mạng ra công khai đã đành, nhiều người muốn đến còn để xem ông Tây bà đầm thế nào. Mũi lõ mắt móc thì chẳng lạ. Nhưng năm ngoái là Tây quan, còn bây giờ muốn xem cái mặt Tây đầu hàng để nom có những gì khác. Cho nên người già, trẻ nhỏ đều vác đuốc đến dự. Số lượng chỉ có kém chút ít so với mít tinh ở Phja Cùm cuối năm 1943.

Sau phần nói chuyện của đồng chí Văn, hầu như cuộc mít tinh đều dành cho ca hát. Ta thì gồm có nam nữ thanh niên trong xã và bộ phận giải phóng quân. Cũng vẫn *Hai lũng quang, Pi noọng ơi...* Mà nghe chẳng bao giờ thấy cũ. Phía họ thì Đờ Đông cùng hai viên chủ mỏ Asa, Riô hát bài Macxâyê của cách mạng Pháp 1879...

Trong khi nghe đồng chí Văn nói chuyện, có anh giáo học ngồi cạnh, nghe thấy mấy ông Tây nói với nhau: "Cho tới bây giờ chúng ta vẫn chưa hiểu nổi dân tình miền thượng du này. Họ không biết chữ sao mà cả trẻ già trai

gái trong nhiều tộc người đều rất quý mến, tin tưởng và trân trọng với vị thủ lĩnh của mình đến thế?...". Bởi suốt phần nói chuyện của đồng chí Văn, họ không hề thấy người nào ngoảnh ra ngoài hoặc nói chuyện riêng.

Đồn Ngân Sơn, sau khi viên đồn trưởng kéo cả lính đến đầu hàng cách mạng, bỏ đồn đi mới được 3-4 hôm thì quân Nhật ở tỉnh lỵ liền đưa lính bảo an đến chiếm đóng. Một tên tay sai thân Nhật làm đồn trưởng kiêm Tri châu. Chúng cũng thông sức xuống các lý dịch cũ của Pháp để tiếp tục sự cai trị, nhưng không thành. Thừa cơ bọn chúng không ổn định, ông Doanh Hằng, xã Thượng Ân cho người đưa thư ra cho bọn chúng. Nội dung thư kêu gọi và cũng đặt điều kiện: hoặc cộng tác kháng Nhật, hoặc phải nộp vũ khí đầu hàng. Ta cũng đoán trước, mới nhận thư lần đầu, có thể bọn chúng không chấp nhận. Các đồng chí phụ trách vùng bèn cho tập hợp hai tiểu đội tự vệ chiến đấu của Thượng Ân và Cốc Đán đi theo làm hậu thuẫn áp lực và nếu cần thì nổ súng.

Trước khi nổ súng, bên ta một lần nữa, vẫn cử ông Hồ Văn Quy đưa thư vào đồn. Lần thứ hai này, sau khi nhận thư, tên đồn phó Chu

Bằng Thanh ra gặp bên ta, đúng nơi đã hẹn trên núi Đồng Cân. Qua điều đình, chúng chấp nhận nộp phần lớn vũ khí đạn dược, quân trang, chỉ xin được giữ lại 04 khẩu súng trường, để giả danh thất trận với quân Việt Minh khi tau báo với quan thầy bọn chúng ở tỉnh. Ta chấp nhận yêu cầu đó. Khi vào đồn tiếp quản, chúng trao nộp một trung liên, 18 súng trường gióp 3, gióp 5 kèm cơ số đạn và một số trâu, ngựa vừa vơ vét của dân. Chiến lợi phẩm này anh em tự vệ chuyển vào Cốc Đán. Tổng số vũ khí của đồn Đờ Đông và đồn Bảo An của Nhật đến ngót trăm khẩu súng, tất cả đều được chuyển giao cho các đơn vị giải phóng quân khi sang đến châu lỵ Chợ Rã.

Lúc này ở xã thật lắm việc, việc nào cũng đều phải khẩn trương để kịp ứng với tình hình chuyển biến từng ngày. Tổ chức đưa đón các bộ phận quân giải phóng trên đường Nam Tiến, lại còn việc tiếp và đưa đường mấy vị quan lại đã thức thời, sớm giác ngộ, ủng hộ cách mạng. Đó là các ông Hoàng Văn Phùng, Tri phủ Hoà An, Tạ Văn Vịnh, Tri châu Hà Quảng từ Cao Bằng vào. Ông Bế Ngọc Bảo, Tri phủ Châu Chợ Đồn lại ngược lên về quê Hoà An... Họ đã thức

thời ủng hộ cách mạng, địa phương ta cũng cần chăm sóc, bảo vệ, dẫn đường sao cho an toàn, để khỏi lại bị rơi vào tay phát xít Nhật.

Trong nhiều việc đang bận rộn, lại có cái việc vừa lớn vừa lạ, xưa nay chưa hề nghe nói đến, một việc làm quá sức, đó là làm sân bay!

Nói làm sân bay, nhưng không phải tiêu chuẩn để máy bay lên xuống mà là một bãi rộng, để đồng minh có thể thả dù vũ khí, máy móc cho Việt Minh để cùng kháng Nhật. Xã đã tổng động viên quần chúng chưa đến bốn ngày, mới hai ngày rưỡi đã xong bãi Nà Nghiều. Vì không có đường giao thông để chuyển vận tiếp các hàng đó nên sân bay không được sử dụng, về sau sân này được mở ở Tân Trào, và máy bay đồng minh cũng đã sử dụng nó đúng yêu cầu. Bãi Nà Nghiều lại chuyển sang làm bãi tập. Theo hồi ký của ông Doanh Hằng, lớp huấn luyện quân sự trong 15 ngày đã bồi dưỡng đào tạo 100 cán bộ trung đội, tiểu đội chỉ huy du kích, cho cả hai huyện Ngân Sơn và Nguyên Bình.

Ngày 9 tháng 5 năm 1945, một vinh dự cho xã là được đón tiếp bộ đội Ông Cù. Trên lộ trình từ Pác Bó về Tân Trào, bộ đội Ông Cù đã

dùng chân ngủ lại một đêm ở xóm Vàng Phài. Sự kiện này đã được dựng bia nơi gốc đa phía trên xóm Vàng Phài. Đoàn có một cụ già mặc bộ quần áo Nùng, tay chống gậy đeo cái nón sấp sau lưng. Khi đoàn đến, xóm đang có một lớp học ở ngoài hiên, lớp học vỡ lòng dạy từ a, b, c. Ban Việt Minh xã giao nhiệm vụ cho ông giáo Đồng Phúc Chuởng dạy. Người học đều là chị em phụ nữ kể cả trung niên. Thấy có lớp học dạy chữ Quốc ngữ, ông cụ rất vui. Cụ đã động viên chị em cần cố gắng học mới có thể làm tốt công việc cứu nước và xây dựng đất nước sau này. Cụ mở một gói thuốc viên, dùng mấy viên rồi phân chia cho chị em lớp học mỗi người mấy viên. Cụ nói vui, thuốc này không để dành cần uống hết ngay, bách bệnh sẽ tiêu tan. Ông Đồng Phúc Chuởng đoán rằng, chắc là thuốc viên chống sốt rét, vì Cụ thấy nhiều chị em người có phần xanh xao.

Đêm ấy, đồng chí bảo vệ mắc màn, soạn giường nhà ông giáo Chuởng để cụ nghỉ, nhưng sáng sớm hôm sau, người ta lại thấy đồng chí cần vụ bưng nước cho cụ rửa mặt ở nhà ông Phùng Văn Quần. Một vài người trong xóm trong đó có ông Đồng Phúc Giáo, thừa phái

hưu trí thấy thế có nói rằng, ông già chắc là một vị gốc cách mạng, quan trọng lắm nên đêm ngủ mới làm kiểu nghi binh như vậy.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, mọi công dân đến tuổi bầu cử được ra nhà cứu quốc bầu Đại biểu Quốc hội khoá đầu tiên, được trông thấy tám ảnh trên kỳ đài có dòng chữ in dưới: Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Bấy giờ mọi người cứ tiếc ngẩn. Biết là Cụ Hồ thì dạo cuối tháng 3 đầu năm, mình phải nhìn kỹ nữa. Vậy là xã ta đã có vinh dự được đón tiếp Bác Hồ kính yêu, dù Người chỉ nghỉ chân lại một đêm mà nhân dân vẫn nhớ mãi.

IV. CUỘC KHÁNG CHIẾN 9 NĂM

Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, cái mốc thời gian chung cả nước là 19/12/1946, và kết thúc bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 7/5/1954.

Còn ở Bắc Kạn, tỉnh ta trực tiếp bắn giặc từ ngày 7/10/1947, khi giặc Pháp nhảy dù xuống tỉnh lỵ. Hôm ấy là 23 tháng 8 năm Đinh Hợi, đúng ngày chợ phiên Bó Lài. Hai hôm

sau, chiều 28/5 bộ binh của chúng từ Cao Bằng vào đường Bétle, khi kéo xuống dốc Khau Khang, ở dưới phố, có người còn ngỡ bộ đội ta. Cùng lúc đó từng tốp xe Camiông từ Cao Bằng chúng đi vào đường Nguyên Bình qua Phja Đén ra Nà Phặc, gặp nhau với bọn từ Ngân Sơn xuống và Phủ Thông lên. Lúc này Bằng Đức, Thượng Ân và Cốc Đán coi như bị kẹp giữa bởi hai con đường số 3 chính và phụ. Xe nhà binh chúng chạy suốt ngày, tốp đi lên, tốp đi xuống, bụi đất cát bám cây cỏ hai bên đường trắng xoá. Thì dân ta cũng chẳng lạ kiểu nghi binh tốp lên tốp xuống, một hai chục cũng dễ cho người ta tưởng hàng trăm xe (!). Lúc này địa phương đang chuẩn bị gặt mùa. Các xóm làng đều vườn không nhà trống, xã Cốc Đán hầu hết chuyển lên các khu rừng từ Nà Mềng. Khuổi Pụt Phiêng Nà.. đến Pù Hội, Khuổi Ngoài. Người già yếu, trẻ nhỏ đều chuyển lên lán. Thanh niên nam nữ khoẻ mạnh phần nhiều là dân quân tự vệ, đều ở những lán gần. Họ không thể đi xa, một là dễ tập hợp đi làm nhiệm vụ, hai là tiện trông nom ruộng vườn. Còn các gia súc đều chuyển lên rừng rú theo người.

Cuộc trường kỳ kháng chiến, theo chủ

trường của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ Tịch là toàn dân kháng chiến và toàn diện kháng chiến. Cùng với bộ đội vệ quốc đoàn, còn có cả lực lượng dân quân du kích. Nhiệm vụ của dân quân, du kích là hàng ngày phân công nhau canh gác cho những người ra đồng gặt hái và các hoạt động khác, khi phát hiện địch, đánh mỗ loan báo đúng như quy định.

Dân quân tự vệ còn có nhiệm vụ phục vụ các yêu cầu của bộ đội chủ lực, dẫn đường đi trinh sát các đồn Ngân Sơn, Bằng Khẩu, cũng có lần vừa dẫn đường vừa phối hợp với bộ đội các trận phục kích xe địch dọc quốc lộ 3.

Tháng 2 năm 1948, tiểu đoàn 139 thuộc Bộ do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thái Dũng chỉ huy, đến tập kết ở Bản Pồm. Tháng 4, tiểu đoàn 55 do Trung đoàn phó Hoàng Siêu Hải chỉ huy, đến tập kết tại bản Pàu - Nà Coốt. Và tháng 7 cùng năm, trung đoàn 74 Cao Bằng cùng đại đội Đinh Khánh Hoà do chính uỷ Chu Huy Mân chỉ huy đến đóng quân tại các sườn đồi Bản Sủ, Bản Pàu - Nà Coốt để chuẩn bị mặt trận đánh phối hợp cú điểm Phủ Thông đêm 25/7/1948.

Tháng 7 năm 1948 này, đơn vị ở xã Cốc Đán được nổ súng đánh liên tiếp ba trận.

Trận đầu, quân địch từ đồn Ngân Sơn nổ ra tiến vào xã Cốc Đán lùng sục, quân ta nổ súng và truy đuổi mấy cây số, diệt nhiều tên, tên trung uý chỉ huy đồn Ngân Sơn bị lòi ruột được cáng ra Bằng Khẩu, ô tô chở cấp cứu lên Cao Bằng, đến đèo Cốc Cọ (Cao Bắc) lại trúng trận địa phục kích, lật xe chết cả lũ. Hai hôm sau, một tiểu đội của ta đi trinh sát để nắm tình hình, gặp một toán địch đi tuần tra về, ta nổ súng, thu một trung liên và mấy súng trường. Đến 25 tháng 7 bộ đội tập trung đánh vào hai cứ điểm Bằng Khẩu và Ngân Sơn. Đồn Bằng Khẩu bị diệt nhiều tên, sau trận này chúng bỏ đồn cũ, đi lên phía núi đá Phja Bả, hàng ngày phải dùng một ô tô chở nước lên đồn để dùng. Trong khi bộ đội đánh đồn Bằng Khẩu thì du kích Cốc Đán đánh vào đồn tiền tiêu Lũng Sao. Đồn này đều là Pác-ti-dăng do Lý Tiến Hình cầm đầu.

Súng nổ, bọn chúng bỏ chạy tán loạn, ta chỉ thu được mấy con trâu bọn chúng bắt của dân đi nhốt, khi quay trở về cố dắt một con. Sau những trận đánh vào đồn Bằng Khẩu bọn địch

phải di đồn lên cao, chúng phải san vào mấy đăm nương rẫy tạo ra một bãi bằng, để máy bay đến thả dù lương thực, thực phẩm và cũng từ đây, bọn chúng không còn dám mở những đợt càn vào các xóm làng nữa.

Những thắng lợi trên đều có sự tham gia đóng góp công sức của đội dân quân du kích xã, làm các việc dẫn đường bộ đội đi trinh sát đồn địch, kể cả những trận đi phục kích dọc đường số 3 và tải thương, trong đó, có trận đánh phối hợp như đồn tiền tiêu Lũng Sao. Về tổ chức và chỉ huy, người Xã đội trưởng dân quân tự vệ đầu tiên là ông Lạ Văn Vân, Nà Cha, tiếp đó là ông Đồng Văn Tịnh, Bản Pàu rồi đến ông Khang Pảo, Phja Khao...

Những năm giặc chiếm đóng Ngân Sơn, Bằng Khẩu nói chung, việc sản xuất ngoài đồng cũng gặp nhiều khó khăn. Từ lán trên rừng, sáng dậy xuống đến cánh đồng cũng đã muộn. Một điều kiện chung là phải đảm bảo các chòi gác, mùa gặt cũng như mùa cấy, các điểm gác phải thật đảm bảo, khi phát hiện có địch phải kịp thời đánh mả báo động nối tiếp từ trạm xa đến trạm gần, để mọi người nơi khuất vắng đều biết được mà tránh giặc.

Nhiệm vụ và kế hoạch đó đều do dân quân đảm nhiệm.

Cùng với các công việc ở hậu phương là phong trào tòng quân nhập ngũ. Cả hai cuộc kháng chiến cứu nước, xã ta có 145 thanh niên nhập ngũ, trong đó có 91 người trực tiếp tham gia trên mặt trận đánh Pháp, Mỹ. Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ và cả biên giới xã có 36 liệt sĩ, 15 thương bệnh binh.

Hai người đầu tiên gia nhập quân giải phóng là các anh Nhất Thống, Đại Cát, tiếp đó cuối năm 1945 sang năm 1946, giặc Pháp khởi hấn ở Nam bộ, nghe theo tiếng gọi của Cụ Hồ, một số thanh niên tình nguyện xung phong xin nhập ngũ Vệ quốc đoàn. Số này gồm có các anh Nông Văn Còi (tức Quốc Tuấn), Nông Văn Chân, Nà Coốt, Đồng Văn Tiếp, Đồng Văn Nghé (tức Đồng Quốc Huệ) Bản Pàu, Lý Văn Choóng, Nông Văn Khiêu, Nà Ngản, Bế Đình Thiện, tức Nà Cha. ..

Số anh em nhập ngũ từ những ngày đầu này nay còn sống đã nghỉ hưu có thượng tá Đồng Quốc Huệ đã từng chỉ huy hạ máy bay B52 giặc Mỹ bằng pháo cao xạ 100 trên vùng trời Thái Nguyên tháng 12 năm 1972, và anh

Hà Tuấn Khanh, đến hai phần ba cuộc đời quân ngũ, anh đã từng đóng vai đại diện quân Việt Minh điều đình với quân Nhật trên đỉnh Đèo Giàng tháng 5/1945. Chúng chấp nhận giao nộp một số súng đạn. Những năm chiến tranh chống Mỹ, anh là đại tá sư đoàn trưởng sư đoàn 304B. Trước khi nghỉ hưu anh giữ chức vụ Cục trưởng Cục kinh tế quân khu I. Sau khi hưu trí hai anh đều cư trú tại Thành phố Thái Nguyên.

Cốc Đán là một xã nghèo về kinh tế, nhưng tinh thần hưởng ứng các cuộc vận động đóng góp cho kháng chiến không nghèo. Từ phong trào hũ gạo kháng chiến, mua công trái Quốc gia, mùa đông binh sĩ, nộp thóc quân lương và bán thóc để Hồ Chủ Tịch khao quân... đều hăng hái tham gia đóng góp. Hội phụ nữ châu Ngân Sơn được nhận thư khen của Bác Hồ về thành tích làm hũ gạo kháng chiến, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của giới phụ nữ Cốc Đán.

Chống càn.

Trong cuộc kháng chiến 9 năm, xã Cốc Đán có ba năm trực tiếp chống các cuộc càn quét

của giặc Pháp, từ các đồn Ngân Sơn, Bằng Khẩu, ít nhất cũng 6 lần chúng vào Cốc Đán. Một số xóm bản nhà cửa bị chúng đốt phá, trâu bò bị bắn chết hoặc bắt đi. Cũng có lần như trận Bản Pồm dân quân du kích nổ súng buộc chúng phải bỏ lại số trâu.

Trong số lần chúng vào càn, có hai lần nhân dân trong xã cũng như bộ đội bị tổn thất khá nặng.

Trận càn vào Pú Slôm, một số gia đình bị thiệt hại. Tháng 4 năm 1948 một hôm mới mờ sáng, địch ập đến vây lán, do có chỉ điểm và kẻ xấu dẫn đường. Trẻ, già trong lán còn chưa dậy, ngót hai chục người đều bị bao vây, trong đó có một bộ đội, liên lạc của Trung đoàn 72, hai anh Đồng Ích Mai, Gia Trấn Bách bị bắt dẫn đường. Riêng anh Mai bị trói vì chúng biết anh đã từng làm cán bộ Châu bộ Việt Minh. Mỗi người một tình huống riêng, đối phó, cuối cùng cả hai đều trốn thoát. Điều đau lòng là ngót chục người sáng hôm ấy bị giặc giết hại tại chỗ, đó là các anh Đồng Văn Đoạn, Gia Tiến Sầu và một chiến sĩ liên lạc. Số chị em bị hại là các cô Đồng Thị Mẻ (tức Nguyệt Nga), Đồng Thị Mậu, Đồng Thị Vẽn, Nông Thị Ngại

trong khi bị chúng bắt mang vác thóc gạo, lợn gà chúng vừa vơ vét. Và em Đồng Văn Ngôi, em trai út anh Mai mới lên 6, cũng bị chúng đập vào đầu bằng mẩu ván chày máu mồm máu mũi ngất đi, sau khi chúng rút đi lâu rồi mới dần tỉnh lại. Còn thóc gạo, gia súc, gia cầm, đến cả mấy ổ trứng gà đang ấp đều bị chúng tranh nhau vơ vét. Thực ra đây là bọn lính Pác-ti-dăng chuyên dẫn đường cho giặc và hôi của, tất nhiên lũ này đều coi mạng người như ngoé.

Trận càn này, bọn chúng đã bị mấy đơn vị thuộc trung đoàn 72 chặn đánh. Khi lớn tới ngọn Pù Sló, chính anh Mai còn trông thấy viên quan hai đã bị lòi ruột ra, chưa kể những tên khác bị thương.

Còn trận Bản Pồm cũng vào năm 1948 sau vụ Pú Sỏm vài tháng, trận này ta thiệt hại cũng không nhỏ, nhất là anh em bộ đội mới đến chưa quen thủy thổ. Các xóm cũng đã vườn không nhà trống cả. Tuy nhiên nhà cửa vẫn nguyên (giường phản đã tháo cất). Anh em bộ đội thu rơm ngoài đồng vào rải trên nền nhà để nằm. Hôm ấy là ngày 7 tháng 2 năm 1949 tức 20 tháng 1 Kỷ Sửu. Bộ đội trú quân ở ba

xóm Bản Pồm, Pù Có và xóm Bản Tẩu đường đi sang Bản Sủ.

Địch chỉ biết quân ta đóng ở Bản Pồm. Khi chúng nổ súng vào Bản Pồm, thì bị hai bộ phận ta ở hai xóm kia đánh tập hậu. Giặc ở chỗ tưởng ở thế chủ động bỗng trở thành bị động, chúng chạy toán loạn lên ngọn núi giáp Phja Cùm. Đơn vị quân ta đóng ở Bản Tẩu, câu *Tăm lông bê bê*⁽¹⁾ lên ngọn núi rơi trúng bọn giặc đang tụ trên đó, bọn chúng phân bị chết, phần bị thương, số còn lại chạy xuống rừng Khuổi Ngần ra khu ruộng Nà Cường. Lúc đó, có nhóm dân quân đi từ Pù Sliềm xuống đến Còi Slăm, liền nổ súng sang. Giặc chạy tán loạn ra phía Nà Vài, Khau Phắc, vút súng xuống vực Cha Lạc và Đông Vuông tìm hướng chạy ra đồn Bằng Khẩu. Năm sau có người vào rừng hái củi, thấy một hài cốt rõ ràng là lính Âu Phi, trên đường tháo lui vì đã bị thương đi không nổi, đã chết ở khu rừng chân núi Phja Thán.

Trận Bản Pồm ta bị hy sinh một số chiến sỹ, có một số anh em mới đến, chưa quen địa hình, khi súng nổ tránh lên phía sau sườn dốc.

⁽¹⁾ *Tức lựu đạn phóng.*

Nếu như biết tản ra hai đầu xóm thì thương vọng có thể hạn chế.

Năm 1948, có thời gian một số đơn vị bộ đội đến tập kết khá đông, lương thực tại chỗ của nhân dân có hạn, xã phải huy động dân quân sang Chợ Rã chuyển lương thực, chằng đường cả đi cả về đến dăm ngày.

Trên hai tấn gạo đều qua vai chuyển qua Toống Bôm, Khau Két về tiếp tế cho bộ đội. Đó là thời gian các đơn vị chuẩn bị đi đánh các đồn Ngân Sơn, Bằng Khẩu như đã nói ở phần trên.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và lũ tay sai phản động, vấn đề tản cư được coi là một nhiệm vụ của toàn dân, nghĩa là không một người dân nào làm việc cho giặc, trừ những kẻ rắp tâm làm tay sai.

Những ngày đầu giặc mới đến chiếm đóng, các xóm đều thực hiện vườn không nhà trống, lúc đầu chỉ lên rừng ẩn trú, hàng ngày vẫn tổ chức đi ra đồng gặt hái, cày cấy. Nhưng sang năm 1948, 1949, mức độ tàn quét của giặc ngày càng gắt gao, ảnh hưởng không ít đến lao động sản xuất, một số gia đình đã phải di cư sang phía nam Châu Chợ Rã và cả một số nơi

thuộc Chợ Đồn, thậm chí còn đi xa hơn đến Thanh Tương huyện Nà Hang - Tuyên Quang. Do tuổi già sức yếu, một số người già đã không còn trở lại quê hương. Sau ngày Bắc Kạn giải phóng, con cháu mới sang chuyển hài cốt về quê.

Với những thành tích đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Pháp, năm 2000 nhân dân xã Cốc Đán đã vinh dự được đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân do Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng.

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, GÓP PHẦN ỦNG HỘ, CHI VIỆN CÁCH MẠNG MIỀN NAM CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, BẢO VỆ BIÊN CƯƠNG TỔ QUỐC

Sau ngày cách mạng dân tộc dân chủ thắng lợi trên một nửa nước, miền Bắc nước ta có hai nhiệm vụ lớn: Cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và ủng hộ, chi viện cách mạng miền Nam chống Mỹ cứu nước, đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất Tổ Quốc.

I. XÂY DỰNG HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP, BƯỚC ĐẦU CUỘC CÁCH MẠNG MỚI

Đến giữa thập kỷ 50 thế kỷ trước, nông thôn miền Bắc nước ta tiến hành tổ chức Hợp tác xã nông nghiệp. Nội dung và phương hướng của Hợp tác xã nhằm thực hiện ba cuộc cách

mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng văn hoá tư tưởng.

Tỉnh Bắc Kạn mở đầu thí điểm tổ chức Hợp tác xã nông nghiệp ở hai xã Tân Tiến huyện Bạch Thông và Cao Thành huyện Ngân Sơn.

Bắt đầu 1958 tỉnh lấy xóm Bản Cây (Cao Thành) làm trung tâm thí điểm mang tên "Hợp tác xã Kông Tum", một tỉnh miền núi Tây Nguyên, kết nghĩa với tỉnh Bắc Kạn.

Năm 1959 tổ chức Hợp tác xã được triển khai ngày càng rộng trên địa bàn nông thôn của tỉnh, Cốc Đán cũng trong diện đó.

Hợp tác xã Kông Tum sau một thời gian ra đời, đã đi vào con đường làm ăn tập thể. Huyện tổ chức các xã cử đại biểu nông dân xã mình đến tham quan học tập.

Đầu năm 1959, xã Cốc Đán vinh dự được huyện và tỉnh lấy hai xóm Bản Pầu, Nà Coốt làm diện thí điểm thứ hai sau Hợp tác xã Kông Tum. Tỉnh phái ông Hoàng Quốc Hồi cán bộ Ty Nông nghiệp xuống trực tiếp chỉ đạo thực thi kế hoạch tổ chức Hợp tác xã và hoạt động bước đầu.

Trước ngày lập Hợp tác xã, Bản Pầu, Nà Coốt mỗi xóm đã có tổ đổi công. Hai tổ đổi công được dồn lại làm một hợp tác xã thí nghiệm đầu tiên của xã.

Xã viên nhất trí cử đồng chí Đồng Ích Mai làm chủ nhiệm Ban quản trị, đồng chí Nông Phúc Truy - Phó chủ nhiệm và đồng chí Hồng Vân (tức Đồng Văn Tú) - trưởng ban kiểm soát, các uỷ viên trong Ban quản trị có các đồng chí Gia Tiến Bách, Nông Văn Trường và Đồng Văn Huyền. Đồng chí Huyền được Ban quản trị phân công làm kế toán. Ngay sau đó, đồng chí được cử đi dự lớp kế toán do Ty Tài chính tỉnh mở. Cũng lớp này xã còn cử anh Doanh Thăng Sú, Bản Pồm đi học dù ở đây chưa tổ chức Hợp tác xã.

Quá trình tổ chức rút kinh nghiệm từ Hợp tác xã bản Pầu, Nà Coốt cũng được làm thường xuyên. Ngay trong năm ấy, lập thêm Hợp tác xã bản Pồm và có thuận lợi bởi có anh Sú đã theo học lớp kế toán.

Vụ mùa năm 1959 - Kỷ Hợi này, Tổng Pầu của Hợp tác xã Bản Pầu, Nà Coốt lại được mùa, dĩ nhiên cả Tổng Thán cũng khá. Mấy chục năm qua Tổng Pầu chưa hề có được mức

bội thu như vụ mùa của năm Hợi - năm con lợn này. Ấu cũng do tinh thần phấn khởi hăng hái của toàn thể xã viên bắt đầu đi vào con đường làm ăn tập thể. Đương nhiên cũng có phần được thiên nhiên phù trợ thêm cho mưa thuận gió hoà.

Vậy là từ cuối năm 1959 sang các năm 1960, 1961, tổ chức Hợp tác xã được triển khai hầu khắp các xóm vùng thấp đến vùng cao.

Đến năm 1967 toàn xã kiện toàn thành 5 Hợp tác xã:

- Hợp tác xã Tân Tiến gồm các xóm Bản Pàu, Nà Coốt, Nà Cha, Vàng Phài...

- Hợp tác xã Hợp Tiến gồm Bản Sủ, Bản Pồm, Nà Cháo...

- Hợp tác xã Trung Tiến gồm Cốc Có, Phiêng Lèng...

- Hợp tác xã Quyết Tiến có các xóm Khuổi Diến, Phja Khao...

- Còn Nà Ngản, Pù Đồn vẫn là Hợp tác xã riêng.

Trước ngày dồn làm 5 Hợp tác xã, năm 1960 cả xã có đến 20 Hợp tác xã nông nghiệp ở quy mô nhỏ.

Từ sau ngày thành lập Hợp tác xã, các xã viên rất có ý thức tiếp thu khoa học kỹ thuật. Trong lao động sản xuất bắt đầu nổi lên một ý thức thi đua tìm tòi, suy nghĩ sự cải tiến đổi mới.

1. Mấy vấn đề trong sản xuất nông nghiệp

a. Tắm vụ Đông xuân

Mỗi năm chỉ làm một vụ mùa, đó là thực tiễn đã trải qua nhiều đời của người nông dân Cốc Đán.

Trước Cách mạng tháng Tám người nông dân ở đây mỗi dịp được sang huyện Bạch Thông, đi khỏi đèo Gió, đèo Giàng, thấy địa phương bạn cấy chiêm tức là vụ Đông xuân. Vì thiếu đói, từ thời ấy người dân xã Cốc Đán cũng đã muốn học bạn, nhưng vẫn không làm được. "Nhân dân Ngân Sơn vốn chưa có thói quen và kinh nghiệm gieo trồng vụ Xuân". Nhận xét đó được ghi trong 2 tập lịch sử *Đảng bộ huyện Ngân Sơn*. Nói chung cả huyện thì điều đó có thể đúng, nhưng với vùng khí hậu thì Cốc Đán ngoài diện đó. Bởi vì hàng năm mùa Thu giá lạnh đến sớm, sang Xuân nắng ấm đến muộn, nếu làm vụ Đông Xuân cuối tháng 5 sáng tháng 6 mới gặt xong. Tháng 7

âm lịch mới cấy vụ mùa. Thời tiết ở đây dân gian đã có câu từ xưa *Bươn chắt dên rẹt rẹt, bươn pét dên dịu dịu, bươn cẩu nằm nịu thư* nghĩa là tháng 7 chớm lạnh, tháng 8 đã rét đậm và sang tháng 9 cái rét hại đã nịu lấy. Cho nên đến tháng 7 mùa thu mới cấy lúa mùa, thì sang tháng 8, 9 có lên khóm lúa cũng không làm đồng được. Nó chỉ đứng thẳng, không "cúi" được nữa! Như vậy, hình tượng hai bát úp một là có cơ sở khoa học: khí hậu và thời tiết. Bạn bè gần xa đây đó có chê trách người Cốc Đán thiếu đối là do thói lười thì không thật chính xác.

b. Tiếp nhận giống mới

Từ giữa thế kỷ vừa qua ngược về trước, Tổng Thán cũng như Tổng Pàu vốn vẫn quen với các loại giống lúa muôn thuở, khẩu lài, khẩu pay, khẩu pét... lúa nếp thì khẩu mủm, khẩu phiềng là phổ biến. So với các loại giống mới ngày nay, mấy thứ giống cũ công bằng mà nói, nó đã quen miệng vừa miếng, cảm thấy ngon hơn. Các yếu tố ấy khiến người nông dân vốn hay bảo thủ càng muốn nín kéo thêm.

Đã thế, chúng ta cũng đã thấy rằng, các loại giống cũ năng suất đều thấp.

Trong khi đó ngày bắt đầu thành lập Hợp tác xã là một hộ, thì nay đã tách ra thêm 2, 3 hộ, sinh nhân bất sinh thổ, sinh điền. Cái lý do cần cải tiến canh tác, cần tiếp nhận giống mới để có một năng suất cao hơn, đáp ứng nhu cầu cuộc sống ngày càng đòi hỏi nhiều hơn là đã rõ ràng. Tuy nhiên, cũng chưa phải mọi xã viên đã nhận thức được điều đơn giản ấy. Từ việc tuyên truyền đến việc hướng dẫn cải tiến mọi mặt canh tác, đều cần được kiểm tra, thậm chí còn phải thúc giục đôn đốc.

Năm 1955 bắt đầu cấy thêm giống mới Nam ninh. Nhưng cũng chỉ làm được ba vụ, đến năm 1958 nhiều hộ lại bỏ. Bởi giống lúa này phải cấy những chân ruộng tốt, phải làm ở những đám thường cấy lúa nếp. Thời gian thu hái như đã nêu trên, gặt xong nó mới cấy vụ mùa thì đã muộn, dẫn tới năng suất vụ mùa quá thấp.

Từ năm 1959 các Hợp tác xã lần lượt nhận các loại giống mới: Nông nghiệp 8, Mộc Tuyền hay C63... mấy loại này thân cứng không đổ và ít rơi rụng khi gặt, đập nên năng suất sản lượng đảm bảo hơn các giống khác. Cùng với các loại giống lúa mới, Hợp tác xã cũng có nhận

với huyện giống Cao Lương, Mạch ba góc. Nhưng gieo trồng trên diện tích hẹp không đủ sức chống nạn chim chóc nhặt phá, cuối cùng lại bỏ.

c. Phân bón:

Trồng trọt gieo cấy cây gì cũng đều cần phân tro, với người nông dân là điều thường thức, ấy vậy mà hàng chục điều cần biết cần học thêm. Thời gian, tỷ lệ dùng phân các loại, Hợp tác xã đều cần có sự hướng dẫn của cán bộ chuyên ngành của Ty và Phòng Nông, Lâm nghiệp huyện.

Từ năm 1960, xã viên đều hưởng ứng cuộc phát động phong trào thi đua của tỉnh "Chiến dịch Đèo Giàng anh dũng - Đông Xuân đại thắng". Đông đảo xã viên nhất là Đoàn thanh niên, nô nức thi đua chăm bón đồng ruộng, từng tổ từng nhóm, họ chuyển ra đồng hàng trăm gánh phân xanh, phân chuồng. Từ đầu năm đến 10 tháng 3 năm 1962, phân bón dự trữ ở xã Lê Lợi đạt tới 14.500kg⁽¹⁾.

Trên các bức vách tường nhà, trụ sở xã

⁽¹⁾ Báo cáo của Huyện uỷ

hoặc nơi ngã ba, ngày ấy các biểu ngữ cổ động *Sạch làng tốt lúa* hoặc thực hiện *Ba dứt điểm...* tác dụng nhắc nhở động viên các giới ý thức chăm bón cây trồng; Mặt khác cũng ý thức dần về vệ sinh làng xóm. Tuy nhiên, phong trào cũng chỉ duy trì được một thời gian, sau lại bỏ bởi thói quen thả rông gia súc là điều dai dẳng khó khắc phục.

d. Trại bò Thôm Luông

Trại chăn nuôi bò Thôm Luông được gây dựng từ năm 1962 sau hai năm Hợp tác xã Bản Pầu - Nà Coốt thành lập. Vậy là cùng với cây lúa, tư duy của Ban quản trị Hợp tác xã cũng sớm ý thức được vấn đề phát triển chăn nuôi đại gia súc.

Cụ Đồng Văn Thuê là một trong số những người đầu tiên đề xuất vấn đề. Ngày đầu Hợp tác xã vay ngân hàng (11.000) tạ được 60 con bò. Việc chăn dắt ban đầu quy định luân phiên mỗi hộ một tuần. Tính chất của trại bấy giờ là sở hữu tập thể.

Đến năm 1973 tính chất và quy mô được nâng lên với tên gọi đầy đủ: "Trại chăn nuôi bò quốc doanh Thôm Luông", thuộc sở hữu Nhà nước và được coi là ngành kinh tế mũi nhọn.

Lúc này biên chế quản lý trại được tăng cường. Huyện giao cho ông Đồng Văn Tiệu, Nà Cha đang công tác ở huyện làm trưởng trại. Cán bộ nghiệp vụ (thứ y): ông Nông Văn Kim...

Từ tháng 6 năm 1974 biên chế có 30 cán bộ, công nhân (2 nam, 28 nữ). Có một chi bộ Đảng, đồng chí Bế Đình Thọ - Bí thư, anh Nông Quốc Giới - Thư ký Ban chấp hành Công đoàn. Một trung đội tự vệ phần lớn là nữ có sức khoẻ và mỗi chị em đều ít nhiều đã có kinh nghiệm chăn nuôi.

Khi lên tỉnh trình bày dự án nâng cấp, được ông Trần Duy Hậu - Ủy ban Kế hoạch tiếp trân trọng, rồi xem xét và đồng tình chấp nhận ngay nội dung đề bạt.

Phó chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Đôn Văn Cước ký sớm cho phân xây dựng cơ sở. Đến năm 1977 cơ sở vật chất của trại phần lớn được gạch ngói hoá. Có đến hai lần đích thân Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, ông Doanh Hằng, trực tiếp đến trại kiểm tra và động viên. Người Tày có câu thành ngữ: *Tua mò dò pỏ khổ* nghĩa là con bò (chống) nâng đỡ người nghèo. Mới trên dưới chục năm, đàn bò đã sinh sản lúc cao nhấtegot 400 con, dao động ở mức 320 con.

Ngày 1 tháng 3 năm 1979, trại chăn nuôi bò Quốc doanh Thôm Luông được sáp nhập với nông trường Lũng Lầu⁽¹⁾. Nông trường này vốn làm mía đường là chủ yếu.

Sáp nhập vào nhau sau sự kiện biên giới 17 tháng 2 năm 1979 nên nói chung cũng chỉ có biên chế tổ chức với con dấu. Cả tên gọi cũng được thay đổi là trại chăn nuôi bò Bằng Khẩu mà thực tế hàng ngày bò vẫn ăn cỏ Thôm Luông với diện tích 1.750 ha.

Đến năm 1983, thì đến tên gọi cũng chẳng còn. Ở cái thời kỳ sau sự kiện biên giới dẫn tới "hỗn quân hỗn quan", vậy là còn trên 300 bò và cả bê đều "bốc hơi". Hoàn cảnh bấy giờ mọi phạm pháp lỗi lầm cũng chỉ treo trong công luận, ở Toà án lương tâm những người chăn nuôi chân chính mà thôi.

e. Thực hiện thuế nông nghiệp

Năm 1952 Đảng và Nhà nước ta thí điểm thuế nông nghiệp nộp bằng thóc. Thuế nông nghiệp công bằng, hợp lý với nông dân sản xuất thóc lúa.

⁽¹⁾ Năm 1978 hai huyện Chợ Rã, Ngân Sơn tách ra nhập vào tỉnh Cao Bằng.

Việc chuyển vận thuế bằng thóc với hoàn cảnh xã Cốc Đán bấy giờ có khó khăn. Chưa có đường giao thông, các hộ gia đình mức thuế ít hay nhiều đều qua đôi vai. Mấy năm đầu kho thóc còn đặt ở Còi Slăm, khi kho chuyển ra huyện, chặng đường từ xã ra đến kho 12km, đường ngựa. Đèo Coóc Moỏng cao hơn nghìn mét. Mỗi hộ nhiều hay ít đều phải vận chuyển bằng đôi vai. Nhà ông Gia Tiến Hưởng, Nà Cha, hai vợ chồng đều tuổi già, không con cái. Trong phát động giảm tô nhà ông bị quy địa chủ (quy sai sau được sửa). Nếu nộp không đúng hạn, sẽ bị quy thêm tội chống chính sách thuế nông nghiệp. Nhà không có ngựa ông phải dùng trâu thồ thóc thuế. Nhà bà Biển, Bản Pồm mức thuế hơn 4 tạ. Gà gáy sáng đã bắt đầu đi, đến bản Piêng trời mới mờ sáng. Phải đi sớm để còn kịp quay trở về thả trâu đi chăn vào 12 giờ trưa. Dù gặp không ít vất vả, với tinh thần kiên cường trong kháng chiến, người nông dân Cốc Đán vẫn lặng lẽ khắc phục không kêu ca phàn nàn.

Tổng số thóc thuế toàn xã năm 1958 là: 67 tấn (dao động 58 - 67 tấn). Cùng thời kỳ với thuế nông nghiệp, người nông dân ở đây còn

hăng hái hưởng ứng cuộc vận động thóc thu mua. Năm 1961 xã Lê Lợi đã bán cho Nhà nước được: 8.852kg mà chỉ tiêu huyện giao là: 6.500kg⁽¹⁾.

g. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Những năm có Hợp tác xã đã xây dựng được một số công trình phúc lợi công cộng cho tập thể.

** Thuỷ lợi:*

Những năm đầu mới lập Hợp tác xã, thuỷ lợi vẫn còn ở mức tu sửa mương phai cũ. Năm 1978 bắt đầu xây đập Phai Cảo với tham vọng thuỷ điện là chính. Phần thuỷ lợi chỉ cấp nước cho khu ruộng Nà Vén. Công trình này cũng tốn không ít công sức, vật liệu, hệ thống mương có đoạn phải vượt qua vách đá, phải nổ tới 4.000 phát mìn. Đục lỗ mìn đều là người có sức khoẻ. Mỗi lỗ đục phải trên dưới một giờ, thao tác liên tục.

Công trình chưa phải lớn cũng đã tốn hàng ngàn ngày công. Hàng ngày có trên dưới 200 lao động tại hiện trường. Theo thiết kế đặt

⁽¹⁾ Trích trong thống kê của huyện Ngân Sơn.

máy phát cỡ mini phải có 1,5m chiều cao. Bờ đập như vậy cần có ít nhất 3m chiều cao. Hoàn cảnh bấy giờ do nhiều lẽ, trong đó có một lý do: nửa chừng thiếu vật liệu, phải dừng lại. Tham vọng làm thủy điện của Ban quản trị không đạt.

Sang đến hai thập kỷ cuối, từ đầu những năm 1980 được Nhà nước đầu tư, một số đập kênh mương cơ bản đã đáp ứng cho mấy khu đồng những năm trước đây phần lớn vẫn chờ mưa. Đó là Phai mương Múc dài 1.300m do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đầu tư: 1.270 triệu (EU). Mương Phai Sảo cũng dài tới 1.200 mét, đầu tư 1.200 triệu. Phai Xe dài 800 mét cũng được tỉnh đầu tư, cấp nước cho cánh đồng Nà Cha, Phai Túm đã đảm bảo được nước tưới cánh đồng Vàng Phài. Trong Bản Sủ có đập Nà Áng và Bản Pồm có đập Nà Kho với con mương dài nhất là 2.300 mét, đã thi công từ cuối năm 2002. Tất cả các đập này đều do Nhà nước cấp vốn và tổ chức thi công.

* Nguồn điện thấp sáng:

Nhu cầu điện thấp sáng là lẽ tự nhiên. Dưới thời chế độ cũ người nông dân ở đây không ai dám nghĩ tới. Ham muốn đó chỉ được

nảy sinh từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Song trong hoàn cảnh kháng chiến và điều kiện cuộc sống bấy giờ, chưa thể thực hiện được. Từ năm 1962 ông Hoàng Văn Kính (tức Sái Gian) ở Bản Sủ là người đầu tiên làm chơi và làm thử. Lợi dụng sức nước ngoài suối, ông đặt thử guồng quay, tạo ra điện thấp sáng của gia đình. Từ cái nguồn nhỏ nhoi lẻ loi ấy, vào những năm 70, 80, ánh sáng điện mini đã toả hầu khắp các xóm bản. Đến nay ánh sáng tự sấm tự tạo này, vùng thấp cũng như vùng cao đã và đang là hiện tượng phổ biến. Nhu cầu nghe, nhìn đáp ứng được một phần dù tivi mới xem được đen trắng.

Còn điện Quốc gia, hiện nay công nhân đang kéo dây, phần cột đã dựng xong từ cuối năm 2002 từ Bằng Vân vào trụ sở xã.

* Mở đường giao thông

Trước Cách mạng tháng Tám, dưới thời Pháp cai trị nói đến đường sá, hàng năm dân ta chỉ biết có lệnh quan trên là một, hai lần đi phu phát đường để quan trên cưỡi ngựa đi xuống kinh lý. Còn việc mở đường cái cho ô tô đi lại được đến xóm làng miền núi, mới bắt đầu có ước vọng và yêu cầu sau ngày nước được độc

lập, kháng chiến thành công rồi đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đường giao thông gắn bó thân thiết cuộc sống lao động và sinh hoạt hàng ngày của con người, nó không phải là thứ trang trí trên các bức tranh, tấm ảnh. Có con đường giao thông thông suốt, cuộc sống có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, từng bước đi lên văn minh giàu đẹp.

Do nguyện vọng và nhu cầu đó, từ năm 1964 toàn thể xã viên đã tự nguyện góp công sức, mở rộng đường từ sau làng Nà Sáng, Thượng Ân vào đến Nà Thia, Còi Slăm.

Đúng ra, xã bạn Thượng Ân mở đường đến ranh giới hành chính Kéo Túc. Hợp tác xã Cốc Đán không câu nệ phạm vi địa phận và không hề nghĩ đến hơn thiệt công sức. Việc mở rộng đường này kể từ năm 1964 được tiến hành thành hai đợt. Đợt thứ hai mở rộng và tu sửa vào năm 1978 và mở tiếp thêm đoạn từ trụ sở vào Bản Pôm, nhưng mới đến Cốc Phja và một ngả vào đến Nà Ngẩn.

Tinh thần tự nguyện và tích cực ấy, thực chất là do yêu cầu thiết thân đối với việc vận

chuyển thuế công nghiệp đã phải qua đôi vai hàng chục năm để khỏi phải leo đèo Coóc Moong. Tuy nhiên, ngày ấy mở đường bằng thủ công, cũng mới chỉ tạo ra được mặt bằng, ô tô tải cũng chỉ đi được vào mùa khô.

Đợt này cũng đồng thời được sửa có phần mở rộng và uốn thẳng đoạn từ Bản Pầu vào Bản Sủ. Tuy vậy, xe cơ giới chưa thể đi nổi, cái chính là để đi bộ giảm độ dốc và rộng hơn.

Hai năm gần đây, được Nhà nước đầu tư, đến nay (2003) con đường đã được hoàn chỉnh và xây cầu bê tông Khuổi Diến, chân đồi thông Kéo Lẻng. Con đường được trải nhựa từ Bằng Khẩu đến tận trụ sở xã ở Hoàng Phài.

* Trạm xá:

Trạm xá của xã được xây dựng từ năm 1955. Ngày đầu tạo dựng trên đám ruộng mạ đầu xóm Vàng Phài, lối đi sang Nà Cha. Bấy giờ mới có mình anh Gia Tiến Lám, Bản Pầu làm y tá thường trực kiêm cả xem bệnh, phát thuốc.

Đến năm 1975, trạm được chuyển sang Nà Nghiều với một nhà cấp 4. Huyện tăng cường cho một y sĩ (anh Ta) và một y tá. Chị Chu Thị

Ngáo chuyên trách hộ sinh, thai sản. Cơ sở vật chất phương tiện, y cụ tuy còn nghèo nàn, nhưng ý thức phòng, chữa bệnh của quần chúng được nâng lên và mở rộng. Về mặt hộ sinh thai sản, nhiều chị em Dao Tiên ở độ tuổi sinh đẻ đến khám thai ngày một đông, thậm chí có hôm phải xếp hàng thứ tự chờ nhau.

* Mở chợ:

Chợ Cốc Đán khởi đầu họp ở Nà Nghiêu. Lễ khai trương sáng 14 tháng 11 năm 1985. Dự lễ khai trương có Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đồng Kim Tuyến và các ông Hoàng Văn Bồng thay mặt Đảng uỷ, ông Vinh... Ông Tuyến là một trong số người đề xuất mở chợ Cốc Đán. Năm 1988 chợ Nà Nghiêu được di lên đồi Còi Slăm, họp phiên đầu tiên ngày 29 tháng 11 Tân Mùi tức 14 tháng 1 năm 1991. Chợ 5 ngày một phiên họp vào ngày 4 và 9 âm lịch. Và đến tháng 7 năm 1996 chợ Còi Slăm, lại được chuyển sang sân Gốc Đa trên xóm Vàng Phài. So với Còi Slăm chỗ này diện tích có hẹp hơn, nhưng có những thuận lợi, trước hết là nơi trung độ, mặt khác nó được liên hoàn với trụ sở xã, điểm bưu điện - văn hoá và

đặc biệt là nơi dựng bia di tích lưu niệm: 9 tháng 5 năm 1945 đón *bộ đội Ông Cụ*.

Khi mới lập chợ Nà Nghiều, hàng hoá những phiên đầu mới có ít hoa hồi, thịt trâu..., phạm vi cũng chỉ mấy xóm xung quanh. Dần dần chợ phiên Cốc Đán đã thu hút dân các xã Thành Công, Hưng Đạo bên Nguyên Bình... về hàng hoá trao đổi phong phú hơn những ngày đầu, kể cả số lượng, chất lượng.

* Dựng bia di tích cách mạng:

Sự kiện đoàn Bộ đội ông Cụ - Bác Hồ trên đường Pác Bó - Tân Trào dừng chân, nghỉ lại một đêm ở xóm Vàng Phài, xã đã dựng bia nơi gốc cây đa, toạ đàm 26 tháng 11 năm 1994 và mít tinh khánh thành 6 tháng 1 năm 1995. Đây là một di tích lịch sử cần được bảo vệ.

- Tháng 2 năm 2002 dựng xong nhà tưởng niệm các liệt sỹ là con em của xã, danh sách mới xác nhận và ghi tên 22 liệt sỹ. Số còn lại đang được thu thập. Nhà bia dựng trên đồi thông Kéo Lặng.

Xã cần dựng tiếp biểu tượng để lưu niệm lâu dài một sự kiện khác là sự kiện đồng chí

Văn, tiếp nhận sự đầu hàng của Đờ Đông, đồn trưởng Ngân Sơn ngày 21 tháng năm 1945...

* Phát triển giáo dục phổ thông:

Ngày nay đi từ xa đến, ai cũng dễ dàng trông thấy quang cảnh trường phổ thông cấp I và II. Một dãy nhà được gạch ngói hoá xếp ngang trên lưng đồi Còi Mò; xưa đến nay vẫn mang tên cúng cơm; Trường Kéo Lẻng. Hàng ngày ở năm thứ ba thế kỷ XXI này, thường xuyên có tới 800 em học sinh đến trường, với một không khí học tập chăm chỉ và vui chơi nhộn nhịp. Thành tựu đó tuy còn khiêm tốn nhưng là một quá trình xây dựng phát triển không ít gian nan.

Sau Cách mạng tháng Tám, tháng 12 năm 1945, trường tiểu học sơ đẳng Kéo Lẻng lại mở tiếp.

Những tháng trước đó, dù xã có nhiều việc bận rộn đưa đón các đoàn cán bộ Nam Tiến và tham gia kháng Nhật..., việc học vẫn duy trì phù hợp với hoàn cảnh. Ban chấp hành Việt Minh xã Minh Khai bàn và giao nhiệm vụ cho ông giáo Đồng Phúc Chương mở lớp dạy vỡ lòng, xóa nạn mù chữ. Học sinh chủ yếu là chị

em phụ nữ, yêu cầu của lớp là thoát được nạn mù chữ, đọc viết được, kể cả 4 phép tính thập phân. Lớp được đặt ở ngay trước hiên nổi từ bậc thềm nhà ông giáo.

Ông Chuởng dạy ở Kéo Lẻng, sang năm 1946 ông được chuyển đi dạy trường Chợ Mới. Thầy giáo Triệu Đức Ngự đến thay. Kế nhiệm ông giáo Ngự là thầy giáo Nguyễn Lương Phẩm... Những năm 1948, 1949 dịch tị nạn chiếm đóng đường số 3, sự học có bị dừng một, hai năm học.

Năm 1949, Bắc Kạn giải phóng. Các xóm sau mấy năm ẩn trú trên rừng, kể cả số gia đình tản cư lần lượt "*Dọn về làng*". Cơ sở trường cũ qua thời gian kháng chiến, giặc phá phách chưa tu sửa được. Bước đầu trường lớp mượn tạm nhà ông Đồng Văn Cẩm, Bản Pầu (tạm mà cũng đến hết 1952). Lúc này trường do thầy Hoàng Văn Khải phụ trách. Một hôm thầy giáo Đồng Phúc Chuởng đến chơi, thấy chất lượng dạy quá thấp. Ông tự nguyện xin được trở lại dạy năm học 1951 - 1952. Năm 1953 trường được chuyển ra Cốc Phát phía sau đầu làng Vàng Phài. Những năm này trường vẫn chỉ có cấp I, có một lớp 5 "nhô" do thầy Lý

Thừa Tú dạy. Khi ở đây được gọi có thêm cấp II của trường là của thị xã từ Khuổi Thén tản cư đi lên Cốc Đán, vì lúc này máy bay giặc Pháp hằng ngày bắn phá nhiều dọc đường số 3. Năm 1954 hoà bình lập lại ở miền Bắc, trường cấp II của tỉnh mới chuyển trở lại thị xã.

Do hoàn cảnh gia đình, năm 1954 thầy giáo Đồng Phúc Chưởng chuyển cư về Cao Kỳ (Bạch Thông) cư trú, thầy Hoàng Văn Đơ làm hiệu trưởng. Đến năm 1977 trường cấp II Kéo Lặng mới có lớp 7, bấy giờ cấp II mới gọi là hoàn chỉnh, hiệu trưởng vẫn là ông giáo Đơ.

Đến năm học 1979-1980 cấp I, cấp II nhập lại chung một trường vẫn do ông Hoàng Văn Đơ hiệu trưởng.

Ông Đơ nghỉ hưu tháng 4 năm 1990, kế nhiệm hiệu trưởng từ đó đến nay là cô giáo Nguyễn Thị Tốt quê xã Hà Hiệu, Ba Bể là nàng dâu xã Cốc Đán.

Xin được ghi thêm đôi nét về cơ sở vật chất nhà trường. Năm học 1968-1969 trường sở từ vách tre, chình tường, mái vẫn còn lợp gianh. Năm 1983 bắt đầu được san nền, tiếp đó từng bước được gạch ngói hoá.

Thời gian này ông Nông Văn Cao, phó chủ nhiệm Hợp tác xã Cốc Đán phụ trách ngành nghề, được trực tiếp chỉ đạo kế hoạch thi công, từng bước xây dựng cơ sở vật chất để ngôi trường ngày một khang trang như ngày nay.

II. AN NINH - QUỐC PHÒNG

1. Quá trình xây dựng và hoạt động dân quân tự vệ:

Những năm 1943 - 1944 phong trào cách mạng đang phát triển, các công việc dẫn đường giao thông liên lạc, đưa cơm nước và bảo vệ các cán bộ hoạt động bí mật đi lại đều do các Hội viên tuổi thanh niên và trung niên đảm nhiệm. Thực chất đã mang tính hoạt động của dân quân tự vệ những năm đó. Bấy giờ thì chưa đến lúc tổ chức gọi dân quân tự vệ, kể cả việc trừ gian diệt những tên mật thám nham hiểm.

Từ ngày cách mạng ra công khai mới có tổ chức tự vệ, du kích và đến những năm 1946 - 1947, bắt đầu cuộc kháng chiến 9 năm mới hình thành tổ chức dân quân, mà việc đầu tiên và cấp bách là vào rừng chặt vầu ra cấm công

trên các bãi đồi quanh Châu lý, Bằng Khẩu, phòng chống quân Pháp nhảy dù.

Xã đội trưởng dân quân đầu tiên là ông Lạ Văn Vân, bản Nà Cha và ông Nông Văn Khuyên, Trung đội trưởng dân quân tự vệ. Tiếp đó là các ông Đồng Văn Tịnh, Bản Pầu rồi ông Khang Pảo, Phia Khao... lần lượt thay nhau giữ chức xã đội trưởng.

Như đã nêu ở phần trên, dân quân tự vệ xã Cốc Đán đã có nhiều thành tích phục vụ theo yêu cầu và phối hợp cùng bộ đội chủ lực trong các trận đánh các đồn Ngăn Sơn, Bằng Khẩu, kể cả những trận phục kích dọc đường số 3 từ Đèo Gió đến Bản Chang.

Sự kiện biên giới cuối thập kỷ 70 sang đầu những năm 1980, dân quân tự vệ của xã vẫn được duy trì thường xuyên với thế hệ tuổi trẻ hăng say, nhiệt tình bảo vệ sự yên lành cuộc sống quê hương.

2. Về công tác an ninh

Trong những năm chống Mỹ cứu nước, địa phương ta không phải nơi trọng điểm của không quân Mỹ phá hoại, nên trật tự an ninh không có những hiện tượng gây rối đáng kể.

Sang những năm 80 của thế kỷ trước, nhất là trong thời kỳ đổi mới, cuộc sống chuyển sang nền kinh tế thị trường, những mặt trái của nó bắt đầu nảy sinh, xuất hiện những tệ nạn xã hội trong khu vực khai thác vàng Ma Nu loang đến, dẫn tới các hiện tượng cờ bạc, nghiện hút, rượu chè, trong đó uống rượu gần như một tệ nạn. Rượu vốn mang tính chất văn hoá xã giao lịch thiệp lại trở thành một tệ nạn. Từ hội họp đám cưới, đám chay cũng trở nên những dịp chè chén dẫn tới sinh chuyện gây gổ. Vụ đâm chém nhau giữa nhóm thanh niên ở chợ Nà Nghiêu, có kẻ đã phải chịu hình phạt, nguyên do cũng từ rượu một phần. Việc khai thác vàng Nà Giểc, do có kẻ coi thường luật pháp, trắng trợn đào bới khu ruộng trong khi lúa đang làm đồng. Đáng tiếc có những phần tử lợi dụng chức quyền coi việc làm đó như một sự hợp pháp. Người ta coi thường, phớt lờ vai trò quản lý của cơ sở!

Những phần tử nghiện hút, trộm cắp dám phá hoa màu của những gia đình mà chúng biết đã có tổ giác những việc làm phạm pháp của bọn chúng.

Có những khu ruộng như Thôn Pùng bị

đào bới khai thác vàng, khác nào như bom B52 giặc Mỹ nên không thể cấy lúa được nữa.

Những hành vi coi thường kỷ cương luật pháp, có những lúc tưởng như không thể dẹp nổi, nhưng Đảng bộ và chính quyền cơ sở có sự đoàn kết, với tinh thần trách nhiệm và thái độ kiên quyết, kiên trì đấu tranh phối hợp giải quyết từng bước, đã giành lại trật tự, cuộc sống dân ổn định.

III. XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ, Củng cố CHÍNH QUYỀN, CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG.

1. Về Đảng.

Phong trào cách mạng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các thời kỳ trong thế kỷ XX đều do Đảng Cộng sản Việt Nam và vị lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gây dựng, tổ chức và lãnh đạo.

Song, thực tế cơ sở ở địa phương ta, những ngày đầu mới có phong trào cách mạng, thì đông đảo Hội viên và quần chúng chỉ biết qua Hội Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Hội Việt Minh. Những năm 1942 - 1945, Hội viên

cứu quốc và quần chúng cách mạng từ khái niệm đến nhận thức, cũng chỉ thường qua những cụm từ "đoàn thể", "Thượng cấp", "Tổng Bộ Việt Minh"...

Có thể chỉ có những người được sớm kết nạp Đảng như các đồng chí Đồng Quang Tuân, Nông Quốc Chấn, Đồng Ích Mai... là hiểu rõ cuộc cách mạng giải phóng dân tộc là do Đảng cộng sản tổ chức, lãnh đạo. đương nhiên, hoàn cảnh bấy giờ còn bí mật, các đồng chí này có hiểu cũng mới ở mức sơ lược. Trước Đại hội II (1951) của Đảng, các văn bản giấy tờ của huyện, tỉnh Đảng bộ vẫn còn ghi "công nhân cứu Quốc hội"⁽¹⁾.

Dù chưa hiểu rõ được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, nhưng vốn có tinh thần yêu nước nồng nàn, nhân dân ta, kể cả không ít hội viên và đông đảo quần chúng, thậm chí nhiều người còn chưa đọc, viết được chữ quốc ngữ, vẫn một lòng đoàn kết và tin tưởng vào cách mạng do Hội Việt Minh tổ chức và lãnh đạo.

⁽¹⁾ Do tình hình Quốc tế, trong nước, Đảng cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán ngày 11/11/1945. Đến đại hội II năm 1951 Đảng ra công khai và đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Từ sau ngày Đảng ra công khai - Đảng lao động Việt Nam, từ đảng viên, hội viên các giới cứu quốc đến quần chúng rộng rãi mới được hiểu về Đảng với khái niệm và nhận thức từng bước được nâng cao, mở rộng.

Người đầu tiên của Cốc Đán được kết nạp Đảng là đồng chí Đồng Quang Tuân.

Kể kết nạp được tổ chức vào buổi tối ngày 15 tháng 11 năm 1943, trong một vườn chuối xóm Bản Slành. Có những đồng chí được vào Đảng cũng sớm, nhưng lại là kết nạp tại cơ quan đang công tác, như các đồng chí Nông Quốc Chấn (6/1/1946), Đồng Ích Mai (4/4/1946) kết nạp tại cơ quan Tỉnh uỷ - ngày ấy vẫn thường gọi Tỉnh bộ Việt Minh. Lớp Đảng viên được kết nạp tại cơ sở sớm hơn cả, gồm các đồng chí Phúc Truy, Hồng Vân, Gia Quốc Toàn, Việt Quang, Sái Gian, Nông Thị Liễu, Gia Tiến Bách, Nguyễn Long, Đồng Thị Ân.

Chi bộ xã Cốc Đán được thành lập năm 1947. Bí thư Chi bộ đầu tiên là đồng chí Nông Phúc Truy, phó bí thư là đồng chí Hồng Vân. Cuối năm 1948 gia đình Phúc Truy tản cư sang Tuyên Quang thì đồng chí Hồng Vân làm bí thư. Người có thâm niên cao nhất giữ chức

Bí thư là đồng chí Đồng Việt Quang trúng cử mấy khoá liền đến 15 năm kể từ năm 1949.

2. Ủy ban nhân dân:

Trước ngày Cách mạng tháng Tám thành công, những năm 1942, 1943 đến tháng 8/1945, Ban chấp hành thanh niên và sau đó có Ban Việt Minh, thì sự hoạt động của các Ban này, bên cạnh công tác của Hội, một phần đã giải quyết những việc quản lý cuộc sống xã hội tương tự công việc của Chính quyền. Tất nhiên, nhiều việc làm chỉ diễn ra ban đêm. Cũng có người đang làm một chức dịch nào đó, ban ngày vẫn phải đi đốc phu đốc thuế, đến đêm lại làm các việc do đoàn thể giao.

Mọi việc, từ vận động ủng hộ, lạc quyền gạo nước đến việc dẫn đường giao thông liên lạc, hoặc bảo vệ cảnh giới các cuộc hội họp... đều có sự phân công giao việc và kiểm tra..., cũng tương tự công việc như của Ủy ban nhân dân sau ngày giành chính quyền. Tuy nhiên công việc đều mang tính chất vận động thuyết phục, không hề mang tính kỷ luật mệnh lệnh.

Sau ngày Cách mạng thành công bầu ra Ủy ban nhân dân phụ trách mọi việc quản lý

xã hội. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đầu tiên xã Cốc Đán là ông Nông Văn Cao, Vàng Phài và Gia Bảo Tín được cử làm Phó chủ tịch. Việc hợp nhất hai xã Tô Khê, Cốc Đán mang tên Cốc Đán là ở thời điểm này. Bấy giờ việc hiệp thương cũng rất đơn giản mà nghĩa tình đoàn kết lại gắn bó trên cơ sở tự nguyện và vui vẻ.

Sau một thời gian có văn bản từ Chính phủ cho đổi tên gọi Ủy ban nhân dân là Ủy ban hành chính. Đến năm 1948 trên có quy định trong Ủy ban hành chính có Ủy ban kháng chiến bên cạnh Ủy ban hành chính. Sau đó được hợp nhất gọi là Ủy ban kháng chiến - hành chính. Đến ngày hoà bình lập lại, miền Bắc mới bỏ cụm từ kháng chiến chỉ gọi Ủy ban hành chính. Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi hoàn toàn, đất nước thống nhất, trên có quyết định Ủy ban hành chính đổi lại là Ủy ban Nhân dân. Hơn nửa thế kỷ qua, tất cả thành viên từ Chủ tịch trở xuống, qua các khoá, nhìn chung đều là những người có tinh thần trách nhiệm, làm tốt nhiệm vụ được giao trước toàn thể công dân trong xã. Trình độ năng lực có thể không đồng đều giữa các thành viên trong Ủy ban, nhưng về mặt

tình thần trách nhiệm đều thể hiện tốt hết lòng vì nhân dân. Đặc biệt tất cả các khoá, không hề có người nào mắc lỗi lầm can phạm nghiêm trọng.

Đến nay, đã có 14 lượt đồng chí trúng cử đảm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

3. Các đoàn thể quần chúng:

a. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:

Tiền thân Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Cốc Đán ngày nay là đoàn Thanh niên cứu quốc xã Minh Khai, Gia Tự năm xưa.

Ban chấp hành Đoàn Thanh niên của xã được chính thức bầu tại cuộc họp một đêm tháng 2 năm 1942 ở nhà thờ thần Phja Thán. Ban chấp hành gồm 5 uỷ viên: Đại Cát, Thống Nhất, Đức Văn, Nguyễn Văn Thắng và Phùng Sỹ Quần. Ban chấp hành nhất chí cử anh Đức Văn làm thư ký.

Vậy là Đoàn Thanh niên xã Cốc Đán đã 61 năm, người thư ký đầu tiên là anh Đồng Văn Khoa tức Đức Văn và Bí thư Ban chấp hành Đoàn hiện nay là anh Hoàng Văn Thụy, Bản Sủ.

Cũng hơn nửa thế kỷ qua, các cuộc vận động phong trào, ủng hộ nhân vật, tài lực cho các cuộc kháng chiến kiến quốc, thì giới nào cũng đều có tinh thần hưởng ứng rầm rộ, nhưng phong trào có phần nổi trội hơn vẫn là Đoàn thanh niên. Họ vẫn thường xuyên giữ được đúng với nghĩa đầu tàu. Trong các mặt đóng góp cho các cuộc kháng chiến thì tiêu biểu là 145 anh em đã nhập ngũ tham gia quân đội. Một số anh em ra mặt trận chiến đấu không bao giờ còn trở lại. Số anh em giải ngũ trở về vẫn luôn giữ trọn đức tính người lính Cụ Hồ.

b. Hội phụ nữ.

Cùng với nam nữ thanh niên, hầu hết chị em phụ nữ lớp tuổi trung niên đều sớm tham gia Hội phụ nữ cứu quốc từ những ngày đầu. Một trong số chị em tham gia phong trào Hội Việt Minh ngày đầu ở xã, là chị Hoàng Thị Hợi. Chồng vừa thôi chức lý trưởng, chị dám đưa nữ đồng chí Minh Phượng vào nhà lúc giữa đêm. Không ngờ viên phó tổng đoàn đương chức, bạn thân của chồng, đã đến nhà từ trước. Do chỗ tình bạn, viên phó tổng đoàn cũng phải nể, không dám có thái độ gì khác. Qua được

cơn hú vía này chị kịp thời rút kinh nghiệm không chủ quan trong hoạt động của Hội.

Cuộc kháng chiến 9 năm, giới phụ nữ thường đóng vai nòng cốt trong nhiều cuộc vận động quyên góp, ủng hộ kháng chiến.

Trong kháng chiến chống Pháp, Hội liên hiệp phụ nữ huyện Ngân Sơn đã vinh dự được Bác Hồ gửi thư khen thành tích vận động phong trào làm hũ gạo kháng chiến. Trong thư khen của Bác có ghi "tháng 1 đến tháng 3 phụ nữ các xã huyện Ngân Sơn đã góp vào hũ gạo kháng chiến được: 2.230 ống (7 lạng/ống). Thế là mỗi tháng 1.061kg". Đương nhiên giới phụ nữ Cốc Đán đã có phần đóng góp vào thành tích đó.

Tinh thần phục vụ bộ đội và kháng chiến của chị em vốn đã có truyền thống từ ngày có phong trào cách mạng. Những cuộc mít tinh thời bí mật, chị em đóng góp vật chất, tinh thần không nhỏ. Ngày cách mạng ra công khai, phần lớn việc tiếp tế cho bộ đội quân giải phóng trên đường Nam Tiến và cả những đoàn cán bộ qua lại, đều do phụ nữ phục vụ đoàn đảm nhiệm. Đó là chưa kể các kỳ vận động "Mùa đông binh sĩ", "Ngày thương binh tử sĩ"... hàng năm. Sự đóng góp của chị em đều là

những việc cụ thể. Từ chuyển vận thóc gạo, xay giã đến nấu nướng. Rồi đến khâu may quần áo, ba lô, xà cạp đến túi bút máy... ủng hộ Giải phóng quân đến Vệ quốc đoàn trong kháng chiến 9 năm. Thành tích đó cũng chỉ là của ít lòng nhiều đối với cách mạng và kháng chiến. Từ ngày có hợp tác xã nông nghiệp, trên mặt trận sản xuất, chị em phụ nữ vẫn là lực lượng lao động đông đảo, cũng như trong các kỳ họp, học tập kỹ thuật, kiểm kê công điểm. Họ là những người trực tiếp lao động nên vẫn thường góp được nhiều điều bổ ích. Những điều không hợp lý, thiếu công bằng, từ tổ chức lao động đến phần phân chia sản phẩm, các chị, em đã góp nhiều ý kiến phong phú, xác đáng và bổ ích. Khi Hợp tác xã có những lúc gặp khó khăn, sóng gió, thì chị em thường vẫn là trụ cột vững chắc để duy trì sản xuất cũng như các mặt sinh hoạt của các hộ xã viên và cộng đồng.

c. Mặt trận tổ quốc:

Chức năng của tổ chức Mặt trận là liên hiệp tập hợp các giới, các tổ chức cùng cộng tác hoạt động, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ xã. Lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn, thường xuyên có sự đóng góp tiếng nói của Mặt trận.

Cốc Đán có hai tộc người Dao, Tày cùng chung sống, trong lao động sản xuất cũng như các mặt khác trong sinh hoạt cộng đồng, luôn có sự đoàn kết nhất trí, cộng tác mật thiết, tuân thủ các nội dung kế hoạch chung do Đảng uỷ đề ra và điều hành.

Các kỳ bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp, Mặt trận đã có nhiều cố gắng vận động cử tri thực hiện quyền công dân, giảm bớt dần thói quen cả nhà gửi phiếu một người đi bỏ. Trong mối quan hệ cuộc sống hàng ngày, cũng có lúc có sự xích mích do hiểu lầm nhau, Mặt trận góp phần trung gian hoà giải, tăng thêm nghĩa tình làng xóm.

Xã ta vinh dự có cụ Đồng Văn Thuê được huyện mời lên làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt một thời. Uy tín vốn có của cụ đã đóng góp tốt cho nhu cầu động viên, đoàn kết quần chúng nhiều địa phương của huyện nhà.

IV. NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Hơn 20 năm (1959-1982) có Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, những tính ưu việt của con

đường làm ăn tập thể được phát huy, bộ mặt nông thôn của xã có nhiều mặt phát triển, tiến bộ, đi lên đáng kể.

Như đã nêu phần trên, bắt đầu từ năm 1959 hai xóm Bản Pầu, Nà Coốt được lập Hợp tác xã thí nghiệm sau Hợp tác xã Kông Tum của tỉnh và huyện. Năm 1960, tổ chức Hợp tác xã được mở rộng ra các xóm tiếp đó, triển khai đến hầu khắp các xóm vùng cao. Đến năm 1966 hợp nhất các Hợp tác xã nhỏ thành 5 đơn vị:

Tất cả các Hợp tác xã từ bậc thấp lần lượt được đưa lên bậc cao. Bây giờ có quy định: bậc thấp nghĩa là người xã viên có vốn góp vào Hợp tác xã nhiều thì được hưởng nhiều, người có ít ruộng đất góp thì được hưởng ít và ai không có vốn góp tất nhiên không được hưởng.

Như vậy người không có hoặc có ít vốn góp vào, vô hình chung chịu một dạng như nộp địa tô; tức là như vẫn còn bị bóc lột sức lao động. Vậy là chưa đúng với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Còn Hợp tác xã bậc cao thì mức hưởng thụ không dựa trên số lượng hoa lợi ruộng đất, mà căn cứ sức lao động nghĩa là làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm tất

nhiên không được hưởng. Như vậy mới là sự công bằng của chủ nghĩa xã hội.

Trước khi lập Hợp tác xã, các hộ sản xuất nông nghiệp đều được dự qua nhiều lớp, nhiều kỳ học tập đường lối chính sách Hợp tác hoá nông nghiệp. Có những lớp, huyện trực tiếp mời những hộ có nhiều ruộng đất lên dự. Trong một lớp học, bà Hoàng Thị Nhâm mẹ ông Đồng Văn Tiệu, Nhà Cha phát biểu "Qua học tập, tôi đều thông hiểu chính sách rồi. Từ khi nhận được giấy mời, tôi cũng đã biết vì sao mình được mời đi học tập. Xin các ông ở huyện yên tâm. Chúng tôi sẽ vui lòng đưa ruộng đất vào Hợp tác xã đầu tiên ở xóm Nhà Cha..."

Sau ngày có Hợp tác xã, một loạt biện pháp chủ yếu được đông đảo xã viên hưởng ứng tiếp nhận và hăng hái thi đua thực hiện. Trước hết, đưa khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăm bón; đặc biệt tiếp nhận các loại giống mới, từng bước thay thế các loại giống cũ, năng suất thấp.

Cùng với cây lúa, các Hợp tác xã đều trồng các cây nông nghiệp có tăng thêm thu nhập trong đó phổ biến là thuốc lá và đỗ tương. Xóm nào cũng mọc lên những lò sấy thuốc lá...

Ý chí và tinh thần tập thể ấy, bên cạnh sự phát triển sản xuất còn thêm số thành tựu xây dựng cơ sở hạ tầng. Mức độ kết quả về vật chất chưa lớn, nhưng mang ý nghĩa tiến bộ, đổi mới là đáng kể. Các cơ sở vật chất dù còn khiêm tốn, mà chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có được. Số lượng chưa nhiều, nhưng về tinh thần và văn hoá đều mang đậm dấu ấn lịch sử. Thành tựu đó có thể tự hào là vĩ đại so với sự lạc hậu, nghèo nàn từ xa xưa trên mảnh đất này!

Liên Xô trước đây hoàn thành Hợp tác xã nông nghiệp mất 7 năm. Trung Quốc 5 năm, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (cũ) 8 - 10 năm. Việt Nam chỉ có 2,5 năm! Do những yếu tố gì mà nông dân Việt Nam vào Hợp tác xã nhanh như vậy? Ngày còn sống, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đồng thời bảy giờ là Trưởng ban Nông thôn Trung ương nói, có ba yếu tố: Trước hết, giai cấp nông dân nước ta đều tin ở Đảng cộng sản Việt Nam. Đảng nói Cách mạng dân tộc dân chủ sẽ thành công, đến ngày 19 tháng 8 năm 1945 cách mạng thành công. Đảng nói cuộc kháng chiến trường kỳ chống Thực dân Pháp sẽ thắng lợi, năm 1954 Điện Biên Phủ chiến thắng, miền Bắc hoàn

toàn được giải phóng, thực dân Pháp phải rút khỏi miền Bắc nước ta. Hai là, đã có một số nông trường Nhà nước làm ăn tập thể, có những ưu việt, nên cũng hấp dẫn đối với nông dân. Yếu tố thứ ba: dân ta vốn có tình làng nước. Nhân dân ta bao đời nay nghèo khổ quá, lại thêm loạn lạc giặc dã liên miên nên truyền thống tương thân tương ái được khơi dậy, phát huy nâng lên tầm cao hơn.

Đảng nói đi lên chủ nghĩa xã hội đời sống mới được nâng lên, tiến lên từng bước ấm no hạnh phúc.

Trong kháng chiến chống Pháp không ít gia đình có một hoặc hai con, còn hy sinh được cho sự nghiệp giải phóng, cứu nước. Nay có mấy sào ruộng sao lại có thể tiếc không dám đưa vào Hợp tác xã. Do vậy, người hiểu nhiều, người chưa hiểu gì nhiều, cũng đều là thành viên của Hợp tác xã.

Ở Cốc Đán, đã trải qua 23 năm đi vào Hợp tác xã, con đường làm ăn tập thể, đã làm được nhiều việc ích lợi cho hộ gia đình, mà trước hết cuộc sống được cải thiện, nâng lên một mức. Đẩy mạnh sản xuất thuốc lá và đồ tương phát triển, ngành nghề, từ trồng, sấy thuốc lá đến

nung vôi đốt gạch... Nhà cửa được tu sửa, nhiều hộ đã gạch ngói hoá kể cả các công trình phụ, bộ mặt xóm làng biến đổi, quang cảnh khác xưa rất nhiều.

Trên cái nền làm ăn hợp tác hoá, tinh thần yêu nước càng được phát huy, thể hiện trong các cuộc vận động ủng hộ chi viện cho cách mạng miền Nam hàng tấn thóc và 08 con trâu năm 1975. Con em nhập ngũ yên tâm vào chiến trường miền Nam chiến đấu.

Tuy nhiên, bên những ưu việt của con đường làm ăn tập thể, qua thực tiễn trên 20 năm cũng nảy sinh không ít khuyết điểm, thiếu sót trong biện pháp, phương pháp, kể cả mặt năng lực quản lý điều hành, cũng bộc lộ ở sự nhận thức, quan điểm trên công việc cụ thể. Nước ta còn nghèo, việc đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp chưa đáng là bao. Phổ biến vẫn là con trâu đi trước cái cày đi sau. Vận chuyển phân bón, thóc lúa đều phải qua vai con người cũng còn là phổ biến. Không khoán, không bình công chấm điểm. Người yếu năng suất lao động thấp, người khoẻ gấp 2, 3 lần, cũng chỉ 5 điểm. Quy định ngày làm 8 giờ,

thực tế cũng chỉ trên dưới 5 tiếng... Do vậy, tự nó đã nảy sinh tiêu cực trong Hợp tác xã.

Ấy là chưa kể đến những câu về *Xã viên làm việc bằng hai, để cho Quản trị mua đài mua xe...*

Nếu làm riêng lẻ, nhà ít ruộng chỉ gặt 7, 8 ngày, nhà nhiều ruộng cũng chỉ trên chục ngày là xong. Nhưng, Hợp tác xã hàng năm thu hái có khi kéo đến 1, 2 tháng. Ban ngày không xong lại còn gặt cả ban đêm. Nhà báo đến xin kiểu ảnh, quản trị Hợp tác xã xin nhà báo chớ nên tuyên truyền cách làm này. Công làm thì nhiều, giá trị ngày công lại ít không đủ ăn. Xưa nay tập quán hàng năm có ba ngày được coi trọng, đó là tết Nguyên Đán, 14/7 và 3/3 tảo mộ tổ tiên, ít hay nhiều nhà nào cũng cần gạo nếp gói bánh, đồ xôi cúng, viếng thăm tu sửa mồ mả tổ tiên.

Nhưng những chân ruộng tốt đã cấy giống Nam Ninh, không còn chỗ cấy nếp. Túng đành phải tính, xã viên bàn nhau lên Xoòng Tào, Nà Moóc phát nương gieo lúa nếp. Nương gieo lúa nếp phải là đất rừng già. Vô hình chung, xã viên Hợp tác xã góp thêm vào nạn phá rừng,

cấp trên nôn nóng muốn làm ăn lớn, trước hết dồn nhiều Hợp tác xã hợp nhất lại. Huyện chỉ đạo Cốc Đán chỉ một Hợp tác xã.

Bác Hồ nói: Đứa bé lớn đến đâu thì kích thích may quần áo đến đó. Nếu đứa bé lớn rồi mà quần áo bé, nó mặc sẽ chật chội. Nhưng nếu đứa bé còn nhỏ, mà ta cho mặc quần áo như người lớn rộng thùng thình, thì ắt nó sẽ bỏ đi. Về lý thuyết đó là quan hệ sản xuất phải phù hợp với lực lượng sản xuất, nếu không lực lượng sản xuất sẽ phá tan quan hệ sản xuất.

Do có tình trạng như vậy, đến năm 1982 Hợp tác xã bắt đầu từ bỏ dần hình thức tổ chức cũ, chuyển sang hình thức kinh tế hộ gia đình. Đương nhiên các mặt dịch vụ cho nhu cầu sản xuất, các hộ xã viên đều còn đòi hỏi có sự đáp ứng và chỉ đạo điều hành của Ban quản trị Hợp tác xã.

Quá trình diễn biến đó, huyện cũng đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo tình hình các Hợp tác xã chung cả huyện, trong đó có xã Cốc Đán.

Huyện nhận định, về việc xây dựng củng cố phong trào Hợp tác xã nông nghiệp thì Cốc

Đán là một trong 5 xã tuy có cố gắng nhưng kết quả mang lại còn thấp. Những nơi này nhận thức của cấp uỷ, chính quyền trách nhiệm chưa cao, chưa kiên quyết. Đội ngũ cán bộ xã, kể cả đoàn cán bộ tăng cường chưa thực sự có những biện pháp cụ thể⁽¹⁾.

Cũng trong nhận xét ở văn bản này của huyện, tính đến 30/5/1982 thì cả huyện còn 1.340 hộ với 8.025 khẩu (chiếm 48% tổng số hộ tham gia Hợp tác xã trong tổng số 2.753 hộ) tham gia Hợp tác xã có 1.413 hộ làm ăn riêng lẻ (8.374 nhân khẩu). So với năm 1981 tỉ lệ mức xuống thấp nghiêm trọng (cuối năm 1981 Hợp tác xã là 82%, là năm có tỷ lệ thấp nhất sau 20 năm xây dựng Hợp tác xã). Có một xã trắng (Thượng Ân) và một xã gần trắng là Cốc Đán chỉ còn 1 đội Bản Pàu với 22 hộ làm ăn mang hình thức Hợp tác xã.

Biên bản Đại hội của huyện 6/10/1985 có ghi: "Hợp tác xã Cốc Đán năm 1982 còn giữ được một đội trong Hợp tác xã Tân Tiến, cho đến năm 1983 - Đầu năm 1985 huyện giúp xây dựng Ban quản trị của Tân Tiến, Nà Ngản và

⁽¹⁾ Nghị quyết Huyện uỷ số 40 ngày 13 tháng 6 - 1982

Hợp Tiến đi vào cân đối, phân tích cho xã viên nhưng không tồn tại để bước vào hoạt động".

"Việc lấn chiếm, mua bán, chuộc ruộng đất xảy ra trong cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ hưu. Đồng bào vùng cao xuống núi, đồng bào miền xuôi lên cùng phát triển kinh tế, văn hoá miền núi, và cả đồng bào sơ tán do chiến sự 17/2/1979, không còn có ruộng cày. Đây đó nảy sinh mâu thuẫn dân tộc. Một số người oán trách Đảng, Chính quyền, thiếu tin tưởng vào đường lối chính sách và sự lãnh đạo của Đảng bộ. Cá biệt đã có hiện tượng phát canh thu tô. Anh em trong họ hàng tranh chấp ruộng đất, sinh sự kiện tụng, hằn thù"⁽¹⁾.

Có mấy nguyên nhân không giữ được tổ chức Hợp tác xã:

- Sau hơn 20 năm thành lập Hợp tác xã, đời sống nhân dân có được nâng lên, nhưng cũng chưa được cải thiện bao nhiêu. Mức sống hàng ngày còn bấp bênh. Dân số ngày càng tăng trong khi ruộng đất không khai hoang phục hoá được thêm; cá biệt có nơi còn bỏ hoang hoá. Trình độ thâm canh thấp, năng

⁽¹⁾ Báo cáo của Huyện uỷ ngày 20 tháng 10 năm 1984

suất cây trồng không tăng. Phân công ngành nghề chưa thực sự được chú ý. Độc canh cây lúa. Do vậy, thu nhập bằng tiền của nông dân không khoản nào ngoài hạt thóc.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của Hợp tác xã chưa có gì đáng kể. Phương tiện nông cụ canh tác vẫn chỉ dao quắm với cuốc bướm là phổ biến. Ngoài ruộng đất, con trâu góp vào Hợp tác xã, người nông dân chưa có gì gắn bó thêm với tập thể. Đã thiếu mà có những cơ sở vật chất không được bảo vệ tốt, ngày càng tiêu hao (nhà kho, lò sấy...).

- Sự quản lý Hợp tác xã không nghiêm chỉnh đúng như điều lệ quy định. Cũng có lúc thanh, quyết toán không đúng hạn. Quản lý kế hoạch không theo đúng quy trình kỹ thuật. Quản lý tài vụ có lúc lỏng lẻo, chỉ tiêu không đúng chế độ.

Có những hiện tượng không lành mạnh, mờ ám tuy được phát giác nhưng không được giải quyết kịp thời hoặc có làm nhưng không triệt để. Thâm hụt không được bồi thường, nợ nần dây dưa không được giải quyết. Công cán bộ gián tiếp quá cao. Có nhiều lúc thiếu dân chủ trong lãnh đạo. Việc phân phối ăn chia

không thực hiện nghiêm chỉnh. Các loại quỹ có cái trích không đúng tỷ lệ... Tuy nhiên, cũng có thời kỳ xã cũng động viên toàn thể cán bộ Đảng viên các ngành tập trung xây dựng Hợp tác xã, kể cả cán bộ hưu trí. Do đó, thực hiện tốt chỉ thị 70 của tỉnh (Cao Bằng). Xử lý kịp thời các việc tranh chấp ruộng đất. Chuẩn bị kịp thời hồ sơ truy tố một số vụ có tính chất chống đối.

Đến đầu năm 1985 với Cốc Đán, huyện vẫn chủ trương: Đến ngày 10/1/1985 tiến độ chuẩn bị cho Đại hội từng Hợp tác xã như sau: Diện Hợp tác xã tan, nay được củng cố lại có Hợp tác xã Tân Tiến: 116 hộ, còn Hợp tác xã Hợp Tiến đã tan, nay chưa có chuyển biến đáng kể... các tồn tại tuy được xói xáo lên nhưng chưa vụ việc nào được giải quyết dứt điểm để lấy lại lòng tin của xã viên. Có người biết có tên trong danh sách ban vận động, nhưng cũng ít khi chịu đi họp hành. Có nhiều lúc vì tiền, coi việc đi ăn cưới hay đào vàng đối với mình là cần hơn. Trong số cán bộ tăng cường có người cũng thiếu hăng say nhiệt tình, ít bám sát với cơ sở, thường nặng kêu ca phàn nàn về những yếu kém, khó khăn của cơ sở.

Trước đó 2 năm, Hợp tác xã Cốc Đán đã vào thời kỳ sóng gió, thái độ trách nhiệm của huyện vẫn biểu hiện sự cố gắng, 6 tháng đầu năm 1983 một đoàn 7 cán bộ do đồng chí Đồng Văn Chè Ủy viên thường vụ Huyện ủy - Phó chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân huyện phụ trách xuống Cốc Đán. Đoàn đã làm việc với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ... với một tinh thần khẩn trương, cố gắng. Kết quả đợt này củng cố được 4 Hợp tác xã: Tân Tiến, Hợp Tiến, Nà Ngần và Lũng Viền, đạt tỷ lệ số hộ nông dân làm ăn tập thể từ 5% năm 1982 lên 62,1% (212/341) hộ nông dân.

Từ ngày thành lập đến ngày chuyển sang kinh tế hộ gia đình, Hợp tác xã nông nghiệp của xã đã trải qua hơn 20 năm. Hợp tác xã không còn giữ nguyên tổ chức hình thức cũ, huyện đã nêu nguyên nhân.

- Trình độ quản lý của cán bộ ở Hợp tác xã nói chung còn yếu. Chưa hiểu biết nghiệp vụ quản lý Hợp tác xã, chưa có cơ chế gắn trách nhiệm và quyền lợi của người quản lý với kết quả sản xuất cuối cùng. Ngay trong cách khoán cũ, trình độ quản lý của cán bộ đã không phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu,

nên khi chuyển sang hình thức khoán mới càng lúng túng hơn.

Sở dĩ những năm đầu thực hiện khoán sản phẩm sản xuất có tăng, là do gần được trách nhiệm và quyền lợi của xã viên với kết quả cuối cùng nên kích thích được lòng hăng say lao động và huy động được thêm vốn (cả lao động và vốn) của hộ gia đình vào thâm canh. Nhưng các yếu tố tích cực này chỉ có giới hạn nhất định.

- Quan hệ giữa Nhà nước mà đại diện cụ thể là các tổ chức kinh tế quốc doanh ở huyện như các công ty, trạm, trại cung ứng vật tư kỹ thuật, các cơ quan quản lý kinh tế, các ngành chuyên môn khác với Hợp tác xã có nhiều điểm chưa hợp lý, chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi nhiều thứ bức thiết của Hợp tác xã, nhất là các khâu: xác định phương hướng sản xuất, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cung cấp những vật tư thiết yếu cho nông nghiệp... chưa tốt, nên hạn chế đến sản xuất phát triển là cơ sở để giữ vững Hợp tác xã. Vì Hợp tác xã nông nghiệp là loại hình kinh tế của chủ nghĩa xã hội, muốn củng cố phát triển

được, cần có sự giúp đỡ tích cực của Nhà nước chuyên chính vô sản nhiều mặt.

Đây là một trong những điều kiện tiên quyết mà thiếu nó, thì giai cấp nông dân khó có thể đi lên được sản xuất lớn.

Các đoàn thể quần chúng, các cơ quan nội chính cũng chưa gắn cuộc vận động củng cố quan hệ sản xuất là nhiệm vụ chính trị của mình, nên chưa thực sự làm tham mưu đắc lực cho cấp uỷ về củng cố Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

- Các tổ chức cơ sở Đảng, Chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở xã chưa làm tốt vai trò phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo đối với Hợp tác xã, nhất là chi bộ, đảng bộ cơ sở chưa thường xuyên thực sự nắm quyền lãnh đạo các Hợp tác xã, chưa coi Hợp tác xã là sản phẩm của Đảng, nên không ít nơi còn đứng ngoài cuộc.

Các cơ sở còn trông chờ ỉ lại cấp trên. Một số cán bộ đảng viên được phân công lãnh đạo Hợp tác xã còn thoái thác nhiệm vụ, ý thức trách nhiệm kém. Có một số thoái hoá biến chất: Tư lợi tham ô, hách dịch gây tổn thất uy tín của tổ chức Đảng ở cơ sở và mất mát tiền

của của Hợp tác xã. Giải quyết việc phân phối sản phẩm và tư liệu sản xuất không công bằng, vi phạm quyền làm chủ của xã viên. Hợp tác xã đã được củng cố cũng không giữ được, chủ yếu do thiếu sự lãnh đạo của Đảng, của cơ sở. Cán bộ phụ trách lãnh đạo Hợp tác xã, sau khi được xã viên bầu cũng có người thoái thác nhiệm vụ.

- Sau 4 năm thực hiện cơ chế khoán mới, còn một số Hợp tác xã áp dụng chưa thật đúng, còn gò bó máy móc, thiếu linh hoạt sáng tạo. Chưa định được sản lượng khoán thích hợp, khi có tăng giảm lao động không có diện tích dự phòng, không khoán nơi cao nơi thấp, còn tình trạng dong công chấm điểm ngoài khoán thường gấp đôi công khoán. Chưa khoán được các ngành nghề, nên toàn bộ công đều bắt trồng trọt chịu. Do đó ngày công thấp, người làm trồng trọt lại phải trả lại sản phẩm nhiều, gây ra mâu thuẫn giữa các ngành nghề với trồng trọt.

Trong chủ trương củng cố, tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thì một trong ba vấn đề nêu ra là khôi phục Hợp tác xã, đưa 70% số hộ nông dân vào làm ăn tập

thể. Năm 1988, đưa tỷ lệ này lên 90%. Trước mắt trong vụ đông xuân 1986 - 1987, sẽ xây dựng lại 8 - 10 Hợp tác xã. Ở các xã Cốc Đán, Thượng Ân... căn cứ vào đặc điểm tình hình điều kiện mọi mặt từng nơi, tập trung sức xây dựng lại một số Hợp tác xã. Tránh tư tưởng nóng vội làm đồng loạt, phải theo phương châm đã xây dựng phải đảm bảo vững chắc. Từ đó rút kinh nghiệm để xây dựng các đợt tiếp⁽¹⁾.

Trên đây là trích một số đoạn, nội dung Nghị quyết của Huyện uỷ để chứng tỏ thái độ kiên trì của lãnh đạo trước tình hình tổ chức Hợp tác xã kiểu cũ đã và đang khủng hoảng trầm trọng. Song sự diễn biến trong thực tế và cuộc sống người nông dân trong cộng đồng xã hội cũng đã và đang đòi hỏi Đảng cần có những chủ trương, chính sách với sản xuất nông nghiệp để thích hợp với tình hình mới.

⁽¹⁾ Nghị quyết số 72 ngày 5/11/1986 V/v củng cố Hợp tác xã nông nghiệp do Bí thư Huyện uỷ Đàm Đình Phùng ký.

CHƯƠNG III

TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA QUÊ HƯƠNG, PHẤN KHỞI TRƯỚC NHỮNG THÀNH TỰU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ CỐC ĐÁN SẴN SÀNG ĐÓN NHẬN NHỮNG THỬ THÁCH VÀ NHIỆM VỤ MỚI

Là một trong những xã của huyện Ngân Sơn sớm được tiếp xúc với cách mạng, từ đó đến nay, xã Cốc Đán đã có một bề dày truyền thống về đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Truyền thống quý báu đó được thể hiện :

Một vùng đất *cần cù lao động*: Là một vùng rừng núi, địa thế không thuận lợi cho việc sản xuất, đường sá đi lại khó khăn... nhưng nhân dân xã Cốc Đán với tinh thần cần cù, chịu thương chịu khó đã lao động không ngừng, có

những đóng góp không nhỏ trong việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, nhất là trong thời kỳ đổi mới (1986- 2000). Tập trung vào một số cây công nghiệp, trong đó chủ yếu là cây thuốc lá và đỗ tương, Đầu tư thuỷ lợi như các con mương của Phai Nhúc, Phai Cảo, Phai Xe, Phai Nà Kho, Nà Áng từ 1000- 2300m dẫn nước từ các dòng suối về cánh đồng, cơ bản đã giải quyết được vấn đề nước tưới cho đồng ruộng. Tiếp nhận giống mới, áp dụng các biện pháp khoa học, kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, sản lượng mỗi ngày một tăng. Bình quân lương thực đầu người đạt 400kg/năm. Đời sống của đồng bào ngày càng được cải thiện, số hộ có mức sống khá tăng dần, số hộ nghèo giảm và chỉ còn là cá biệt. Đến nay, nhờ sự quan tâm của Nhà nước, đường giao thông đã được mở, nối từ quốc lộ 3 vào Cốc Đán, qua mấy lần mở rộng, nâng cấp, nay đã hoàn chỉnh. Đi trên con đường thênh thang, rải nhựa phẳng lỳ, bà con trong xã vô cùng biết ơn Đảng, Chính phủ đã cho họ được đổi đời, điều mà dưới chế độ cũ đó là điều không tưởng. Và họ cũng tự hào bởi có sự đóng góp công sức của mình làm thay đổi bộ mặt của xã.

Một vùng đất *hiếu học*: Tuy là vùng đất nghèo, nhưng nhân dân đều có truyền thống hiếu học và biết giá trị của học vấn. Người già khuyên lớp trẻ chăm lo đèn sách, người trẻ trọng người già hiểu rộng biết nhiều, tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Trang sách, con chữ như những ngọn đèn soi vào cuộc sống, góp phần nâng cao dân trí. Từ thời thuộc Pháp, nhiều nhà tuy không giàu có nhưng cũng mời thầy về dạy chữ cho con em mình, như mời nhà thơ, danh nhân dân tộc Tày Hoàng Đức Hậu về dạy chữ cho con em mình, cũng như cho con em xuống tận Hà Nội để theo học, nhằm mang học thức về truyền lại cho con cháu, đồng bào của mình. Và vinh dự cho xã có nhà thơ Nông Quốc Chấn, một nhà thơ dân tộc nổi tiếng được trưởng thành từ cách mạng đã trở thành nhà thơ lớn, được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học-nghệ thuật, được là danh nhân, nhân vật tiêu biểu qua các thời kỳ của tỉnh Bắc Kạn. Xã vinh dự có hai nhà thơ, nhà văn nổi tiếng của nền văn học dân tộc nước nhà: Nông Quốc Chấn và Nông Viết Toại.

Một vùng đất có *tinh thần cách mạng, yêu*

nước, yêu chủ nghĩa xã hội: Sống dưới chế độ hà khắc của xã hội phong kiến nửa thực dân, người dân xã Cốc Đán không chịu khom lưng mà âm ỉ, nhen hồng ngọn lửa yêu nước, bền bỉ nuôi chí căm thù. Cách mạng đến đã giúp người dân sáng lên con mắt, Cốc Đán trở thành cầu nối phong trào cách mạng giải phóng dân tộc cuối nửa thế kỷ XX, là nơi được đoàn thể tin cậy làm địa điểm tập kết của cán bộ và bộ đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xã đã có nhiều đóng góp sức người sức của vào sự nghiệp cách mạng chung. Nhiều con em dân tộc Tày - Dao đã tích cực tham gia dân công, bộ đội, có người đã tham gia chỉ huy đơn vị hạ máy bay B52 của giặc Mỹ bằng pháo 100. Với những thành tích của mình, nhân dân xã Cốc Đán đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang" năm 2000.

*

*

*

Tuy vậy, nhìn lại cả một quá trình lịch sử,

chúng ta cũng cần nghiêm túc thấy rõ những điều bất cập, những chỗ còn yếu kém của mình.

Trong cuộc sống, bên cạnh những bước tiến bộ vẫn còn không ít những cản trở, mà sự khác phục có phần dai dẳng, chật vật, đó là thói quen dùng rượu. Từ xa xưa, rượu vốn được coi như một thói quen, tục lệ mang tính văn hoá lịch thiệp, khi dùng có mức độ. Nhưng ngày nay, nó lại trở thành như một lệ tục! Dùng quá mức không tránh khỏi dẫn tới cách nghĩ, cách nói kém độ chính xác, thậm chí dẫn tới những hậu quả đáng tiếc. Trong những đám ma, đám hiếu thường được coi là dịp ăn uống, say sưa, cãi lộn.

Một việc khác cũng cần được lưu ý khắc phục, đó là lề lối làm việc, trước hết ở những người có cương vị lãnh đạo chung và đầu ngành, đầu giới. Đó là những người đương nhiệm chức trách trước quần chúng và cuộc sống xã hội, chung cư, xóm làng mà vẫn không chịu hiểu thấu tình đạt lý, để kịp thời giải quyết nhanh, đúng yêu cầu nguyện vọng của quần chúng. Phải chăng, đó cũng là một dạng xa dân, quan liêu, thiếu dân chủ.

Từ những thành tựu to lớn đã đạt được và cả những sai sót đã mắc phải, chúng ta có thể rút ra được nhiều bài học quý, tìm ra những nhân tố đã giúp cho Đảng bộ ngày một vững mạnh, trưởng thành.

Một là phải nghiên cứu, nắm vững mọi đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng để vận dụng một cách toàn tâm toàn ý vào mọi mặt công tác của đảng bộ. Phải xây dựng cho được trong mỗi người lòng tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, nhất là trong những tình huống khó khăn, nghiệt ngã.

Hai là phải bám đất, bám dân, một lòng một dạ vì quyền lợi và hạnh phúc của nhân dân. Xây dựng thật tốt khối đoàn kết toàn dân vững mạnh, khơi dậy mọi tiềm năng, trí tuệ của nhân dân, luôn giữ mối quan hệ tốt đẹp giữa Đảng với quần chúng.

Ba là trong lãnh đạo chỉ đạo phải nắm vững nguyên tắc công tác, đề phòng mọi biểu hiện hữu, hoặc tả khuynh, tránh cục bộ, bè phái, đảm bảo tôn trọng mọi tìm tòi, sáng kiến trên cơ sở vì lợi ích chung của cách mạng.

Bốn là chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường

vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tinh thần gương mẫu tận tụy của đảng viên, không ngừng phấn đấu nâng cao phẩm chất, đạo đức, năng lực công tác của mọi thành viên trong Đảng bộ.

Nhân dân xã Cốc Đán một lòng một dạ đi theo Đảng, quyết xiết chặt đội ngũ, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương cách mạng và những thành tích vẻ vang đã đạt được để sẵn sàng bước sang giai đoạn mới của lịch sử. Phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH BÍ THƯ CHI BỘ, ĐẢNG ỦY⁽¹⁾ QUA CÁC THỜI KỲ

TT	HỌ VÀ TÊN	THỜI GIAN	CHÚ THÍCH
1	Nông Phúc Truy	1947 - 1948	
2	Đồng Văn Tú - (tức Hồng Vân)	1949 - 1950	Như Q. Bí thư sau khi Phúc Truy tản cư sang Na Hang - Tuyên Quang làm tiếp 1955 - 1958 và thêm một khoá 1958 - 1977 ⁽²⁾
3	Đồng Văn Cầm - (tức Việt Quang)	1951 - 1976	
4	Đồng Văn Ta	1978 - 1982	
5	Đồng Văn Khao	1983 - 1986	
6	Gia Tiến Phương	1987 - 1991	
7	Hoàng Văn Bồng	1992 - 1995	
8	Gia Tiến Ngào	1996 - 2003	

⁽¹⁾ 1947 - 1965 tổng số đảng viên đều dưới 40 nên vẫn duy trì một chi bộ. Từ năm 1965 số đảng viên đã có trên 40 mới tách hai chi bộ và bắt đầu thành lập Đảng uỷ (theo đồng chí Lý Văn Đại).

⁽²⁾ Năm 1950 khi sáp nhập ba xã Thượng Ân, Cốc Đán và Tô Khê làm một xã mang tên Thành Tâm, Bí thư Chi bộ là đồng chí Thanh Phong (tức Chu Văn Mục).

DANH SÁCH CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUA CÁC THỜI KỲ⁽¹⁾

TT	HỌ VÀ TÊN	THỜI GIAN
1	Nông Văn Cao	1946 - 1948
2	Nông Nguyên Long	1949-1950
3	Gia Quốc Toàn	1951 - 1953
4	Nông Văn Khiếu	1956 - 1962
5	Nguyễn Đức Lý	1963 - 1964 ⁽²⁾
6	Đồng Ích Mai	1965 - 1966
7	Đình Văn Kỳ	1967 - 1969
8	Lý Văn Đại	1970 - 1975
9	Đồng Phúc Thanh	1976 - 1981
10	Đồng Văn Khao	
11	Đồng Kim Tuyến	
12	Hoàng Văn Bồng	
13	Đồng Văn Lám	
14	Lý Phú Lấn	2000 - 2003

⁽¹⁾ Năm 1954-1955 phát động giảm tô, không có Chủ tịch UBND xã.

⁽²⁾ Một thư riêng gửi người nhà ông Phúc Truy lại ghi tháng 10 năm 1962 ông Đồng Ích Mai vẫn đương nhiệm Chủ tịch xã (?).

NHỮNG DẤU ẤN CẦN GHI NHỚ

Cán bộ hội Việt Minh đầu tiên đến Cốc Đán:

1. Nông Thị Ước bí danh Tự Quyết, Đội trưởng đội xung phong Minh Khai đến từ tháng 2 năm 1942.

2. Ma Văn Thái, Ma Văn Nguyên đến Cốc Đán tìm hiểu điều tra từ cuối năm 1941 đầu 1942.

Đảng viên cộng sản đầu tiên của Cốc Đán:
Đồng chí Đồng Quang Tuân (15-11-1943).

Người đầu tiên được tuyên truyền về cách mạng dân tộc giải phóng: Ông Nông Văn Khuyên (bí danh Văn Minh) xóm Nà Cha.

Hội viên đầu tiên đi dự lớp huấn luyện ở Phai Khắt, Pác Cáp:

1. Phùng Sỹ Quần.
2. Đồng Văn Khoa.
3. Gia Tiến Phát.

Hội viên được cử đi dự lớp huấn luyện thứ hai ở Thẩm Cầu, Tam Kim, Nguyên Bình.

Hội viên được cử đi dự lớp huấn luyện thứ hai ở Thẩm Cầu, Tam Kim, Nguyên Bình.

1. Gia Quốc Toàn
2. Gia Tiến Đạt
3. Đồng Phúc Tiểng
4. Nguyễn Đức Hải
5. Nguyễn Văn Thắng
6. Đồng Phúc Biễn
7. Phùng Sỹ Quần (đã dự lớp trước)

Cán bộ tiền khởi nghĩa

1. Gia Tiến Đạt.
2. Nông Văn Cao.
3. Phùng Sỹ Quần.
4. Đồng Văn Đệ

Những người bị Pháp bắt giam

1. Nông Văn Chung - Bị giam giữ tra hỏi ở Nha châu lý Ngân Sơn.

2. Nông Văn Hà - Bị giam giữ tra hỏi ở Nha châu lý Ngân Sơn.

3. Nông Văn Noạn - Bị giam ở nhà tù Bắc Kạn.

4. Nông Văn Bọc - Bị giam ở nhà tù Bắc Kạn, quân Pháp mang đi thủ tiêu ngày 16/5/1944 trên đường từ thị xã vào Chợ Đồn.

DANH SÁCH CÁC LIỆT SĨ CỦA XÃ⁽¹⁾

(Danh sách tại Nhà bia tưởng niệm đôi thông Kéo Lặng)

TT	HỌ VÀ TÊN	HI SINH (tháng)
1	Nông Quốc Tuấn	9 - 1946
2	Lý Văn Choóng	12 - 1946
3	Đồng Văn Tiếp	11 - 1946
4	Bàn Đức Nam	10 - 1947
5	Lý Tiến Nghiêm	10 - 1947
6	Bàn Văn Chín	10 - 1947
7	Nguyễn Văn Quần	4 - 1948
8	Bàn Đức Xích	9 - 1948
9	Bế Ích Thiện	12 - 1951
10	Nông Văn Mạ	4 - 1967
11	Doanh Thăng Liếm (Thượng tá)	5 - 1968
12	Nông Văn Vụ	3 - 1970
13	Đồng Ích Y	4 - 1970
14	Triệu Văn Đeng	10 - 1970
15	Triệu Văn Liếm	12 - 1970
16	Nông Văn Tháo	2 - 1971
17	Chu Văn Tung	10 - 1971
18	Nguyễn Văn Báo	9 - 1972
19	Sầm Văn Kính	1 - 1974
20	Hoàng Ngọc Luân	2 - 1979
21	Đồng Phúc Oanh	3 - 1979
22	Chu Văn Cử	9 - 1985

⁽¹⁾ Danh sách liệt sĩ còn lại đang thống kê.

DANH SÁCH CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG

TT	HỌ VÀ TÊN	BÍ DANH
1	Đồng Quang Tuân	Nhất Thống
2	Gia Quốc Toàn	Đại Cát
3	Nông Văn Đuổng	Trường
4	Đồng Ích Mai	Vân Anh
5	Hoàng Văn Kính	Sái Gian
6	Nông Văn Khuyến	Văn Minh
7	Đồng Văn Tiểng	
8	Gia Tiến Vị	Việt Tấn
9	Đồng Văn Khoa	Đức Văn
10	Lý Văn Sly	
11	Nông Văn Chủng	Đức Chung
12	Triệu Văn Thọ	Việt Minh
13	Nông Văn Khoát	Thái học
14	Nông Văn Quỳnh	Quốc Bảo - Từ 1945 lấy tên là Nông Quốc Chấn
15	Nông Thị Liêu	
16	Lý Văn Đại	
17	Nông Đình Hân	Nông Viết Toại

TẶNG BẢNG CÓ CÔNG VÀ KỶ NIỆM CHƯƠNG

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN
1	Nông Văn Chung
2	Hoàng Văn Tuyên
3	Gia Tiến Yểm
4	Đồng Văn Khoa
5	Triệu Văn Cán
6	Bàn Dân Hoa
7	Bàn Đức Quyền
8	Đồng Văn Diêm
9	Trương Văn Môn
10	Lương Văn Đồng
11	Nguyễn Thị Hiến
12	Nông Văn Chương
13	Hoàng Văn Kinh
14	Dặng Hội Quan
15	Bàn Thiệu Quyên
16	Hà Văn Sláy
17	Đồng Phúc Thuộc
18	Gia Việt Tấn
19	Hoàng Văn Hanh
20	Đinh Văn Lưu
21	Nông Văn Noạn (tức Phúc Truy)

22	Gia Tiến Lại (tức Nhân Đức)
23	Bàn Khang Pảo
24	Bàn Công Phát
25	Đồng Phúc Tươi
26	Nông Văn Khiếu
27	Lạ Văn Vân
28	Nông Văn Khuyến
29	Nông Văn Khoát
30	Bàn Văn Thuấn
31	Đồng Văn Deng
32	Nông Văn Hà
33	Hoàng Thị Hối
34	Bàn Khi Hoàn
35	Đồng Văn Cung (tức Vân Anh)
36	Đồng Quang Tuân
37	Gia Tiến Vượng (tức Quốc Toản)
38	Phùng Sỹ Quần (tức Vĩnh Long)
39	Gia Khiêm Tỳ
40	Bàn Văn Xích
41	Triệu Văn Thọ
42	Bàn Đông Đạt
43	Nông Văn Đổng (tức Nông Văn Trường)
44	Lý Tuần Bang

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA LÃNH ĐẠO CÁC NGÀNH TỪ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHÚ THÍCH
Đồng Quang Tuân	Ủy viên Thường vụ, thường trực Tỉnh uỷ Bắc Kạn	cuối thập kỷ 50
Nông Quốc Chấn	Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Hiệu trưởng Đại học Văn hoá	
Hà Tuấn Khanh	Đại tá quân đội nhân dân Việt Nam	
Đồng Quốc Huệ	Thượng tá Quân đội Nhân dân Việt Nam	
Nông Văn Kham	Thượng tá - Phó giám đốc Công an tỉnh Bắc Kạn	
Đồng Ích Mai	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ Ngân Sơn	
Đồng Phúc Túc	Chủ tịch uỷ ban Thiếu niên nhi đồng tỉnh Bắc Kạn	
Gia Việt Tấn	Phó bí thư Huyện uỷ - giám đốc Bệnh viện B	
Gia Quốc Toàn	Huyện uỷ viên, phó chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện	
Nông Viết Toại	Bí thư Huyện uỷ, Giám đốc Bảo tàng Việt Bắc	
Đồng Quang Huân	Thường vụ Huyện uỷ, Trưởng ban tuyên giáo huyện	

Đồng Văn Tân	Trung tá, tham mưu trưởng Huyện đội	
Đồng Văn Huyền	Phó chủ tịch Ủy ban hành chính huyện	
Đồng Văn Triệu	Huyện uỷ viên	
Đồng Kim Tuyến	Huyện uỷ viên - Viện trưởng VKSND huyện	
Trương Hoàng Doanh	Huyện uỷ viên - Phó bí thư Đảng uỷ xã Cốc Đán	
Hoàng Văn Quyên	Huyện uỷ viên	
Gia Tiến Ngào	Huyện uỷ viên - Bí thư Đảng uỷ xã Cốc Đán	
Đồng Văn Nghiên	Huyện uỷ viên - Chủ tịch LĐLĐ huyện Ngân Sơn	
Nông Quốc Thắng	Phó giám đốc Sở Văn hoá - TT - Thể thao, Trưởng đoàn nghệ thuật dân tộc	
Nông Văn Đức	Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện	
Triệu Hồng Thái	Thường vụ Huyện uỷ, trưởng ban Tổ chức - cán bộ	
Triệu Văn Ban	Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh	
Nông Văn Thực	Ủy viên Thường vụ Huyện uỷ - Trưởng Ban tài chính huyện uỷ	
Nông Quốc Bình	Phó tổng thư ký Hội Văn học - nghệ thuật các dân tộc Việt Nam.	

DANH SÁCH THẦY GIÁO DẠY CHỮ QUỐC NGỮ

TT	HỌ VÀ TÊN	THỜI GIAN
1	Hoàng Văn Dun	Từ năm 1930
2	Hà Cát Đoạt	1933
3	Đồng Phúc Vọng	1935
4	Đồng Phúc Chương	1936
5	Triệu Văn Ngự	8-1947
6	Nguyễn Lương Phẩm	
7	Hoàng Văn Khải	
8	Lý Thừa Tú	
9	Hoàng Văn Thăng	
10	Quách Thái Huyền	
11	Hoàng Khải Sơn	
12	Hà Thiêm Tùng	
13	Mỹ Tùy Kinh	
14	Lưu Đình Kỷ	
15	Hà Văn Lục (vợ là Triệu Thị Ý - Vàng Phài)	

DANH SÁCH CON EM TRONG XÃ TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH, NGHỀ
1	Hà Tấn Tuyên	Sư phạm
2	Đồng Quang Huấn	Sư phạm
3	Nông Công Bội	Sư phạm
4	Đồng Thị Minh	
5	Nguyễn Văn Chuyên	
6	Doanh Thị Sửu	
7	Nông Văn Đức	
8	Triệu Hồng Thái	Quản lý tổ chức
9	Triệu Tiến Ban	
10	Đồng Văn Vũ	
11	Nông Văn Kham	Công an
12	Hà Tấn Tuynh	Quân sự
13	Hà Tấn Giang	
14	Hà Thị Lệ	
15	Đồng Thị Trúc	
16	Đồng Phúc Tú	
17	Đồng Thị Xuyên	
18	Đồng Thị Hạc	
19	Nông Văn Hoạt	Tài chính
20	Nông Văn Sầm	

21	Nông Thế Kỷ	
22	Nông Thị Phòng	
23	Nông Thị Tuyền	
24	Lý Văn Bằng	
25	Gia Tiến Vòn	Luật - Kiểm soát
26	Gia Tiến Hưng	
27	Đồng Văn Hảm	
28	Đồng Ích Bưu	
29	Đồng Phúc Hộ	
30	Đồng Phúc Ngự	
31	Đồng Phúc Tàn	
32	Đồng Phúc Khanh	
33	Đồng Phúc Thơ	
34	Đồng Phúc Hoàng	
35	Nông Quốc Thắng	
36	Nông Quốc Bình	
37	Nông Quốc Tuyến	
38	Nông Quốc Ngân	
39	Nông Quốc Thành	

DANH SÁCH GIÁO VIÊN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

TT	Họ và tên	Cấp dạy	Chú thích
BẢN PÀU			
1	Doanh Thị Tuyền	Cấp +	
2	Đồng Thị Đêm	I	
3	Đồng Thị Hạnh	I	
4	Doanh Thị Nòn	+	
5	Đồng Thị Thanh	I	
NÀ COỐT			
6	Hà Tấn Tuyền	III	
7	Hà Thị Trang	II	
8	Nông Công Bội	III	
9	Nông Thị Viết	I	
10	Đồng Thị Thúy	+	
11	Đồng Thị Niềm	I	
12	Phạm Thanh Tuấn	II	
13	Nguyễn Thị Hạnh	+	
14	Phạm Thị Hương	+	
	Nông Văn Bọc	I	Bị Pháp thủ tiêu ngày 16-5-1944 từ nhà tù Bắc Kạn
	Đồng Văn Nhí	Cấp II	
NÀ VÀI			
15	Sầm Thị Sích	I	
16	Hoàng Thị Thậ	I	
BẢN PỒM			
17	Nguyễn Thị Tốt	+	Hiệu trưởng cấp I, II

			Trưởng Kéo Lẻ đương nhiệm
18	Đổng Văn Đoàn	II	
19	Nông Văn Hòa	I	
20	Đổng Thị Bầm	+	
BẢN SỬ			
21	Hoàng Ngọc Đơ	II	Nguyên Hiệu trưởng cấp II Kéo Lẻ
HOÀNG PHẢI			
22	Doanh Thị Báu	+	
23	Đổng Thị Viên	I	
24	Đổng Thị Minh	III	
25	Gia Thị Khâm	II	
26	Gia Thị Ráy	II	
27	Đổng Thị Dăng	II	
	Đổng Phúc Chưởng	I	
	Đổng Phúc Vọng	I	
NÀ CHA			
28	Nông Thị Danh	+	
29	Doanh Thị Ngoạt	+	
30	Đình Thị Duyên	+	
31	Đổng Quang Huân	III	
NÀ NGẢN			
32	Lý Văn Bằng	III	
33	Lường Thị Thạo	I	
34	Nông Thế Kỷ	III	
35	Triệu Thị Đào	II	
36	Nông Thị Phong	III	
37	Hứa Thị Thắm	I	

MỤC LỤC

* Lời nói đầu	5
---------------	---

Chương I

Tiếp nhận ánh sáng cách mạng giải phóng dân tộc

I. Cốc Đán - vùng đất - con người - truyền thống	7
II. Con đường mới	25
III. Đón mừng tiếng hát đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân	49
IV. Cuộc kháng chiến 9 năm.	60

Chương II

Xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần ủng hộ, Chi viện cách mạng miền Nam, chống Mỹ cứu nước, bảo vệ biên cương Tổ quốc

I. Xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, bước đầu cuộc cách mạng mới.	72
II. Xây dựng lực lượng an ninh - quốc phòng.	94
III. Xây dựng Đảng bộ, củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng.	97
IV. Nhìn lại chặng đường Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	106

Chương III

Tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương,
phấn khởi trước những thành tựu đã đạt được,
Đảng bộ và nhân dân xã Cốc Đán sẵn sàng đón
nhận những thử thách và nhiệm vụ mới.

Phụ lục

-	Danh sách Bí thư chi bộ, Đảng uỷ xã qua các thời kỳ	130
-	Danh sách Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã qua các thời kỳ	131
-	Những dấu ấn cần ghi nhớ	132
-	Danh sách các liệt sỹ của xã	134
-	Danh sách các cán bộ lão thành cách mạng	135
-	Tặng bằng có công và kỷ niệm chương	136
-	Danh sách những người tham gia lãnh đạo các ngành từ cấp huyện trở lên	138
-	Danh sách thầy giáo dạy chữ quốc ngữ	140
-	Danh sách con em trong xã tốt nghiệp Đại học	141
-	Danh sách giáo viên phổ thông	143

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Lịch sử đấu tranh cách mạng Đảng bộ huyện Ngân Sơn. Tập I (1939 - 1954) xuất bản 1990 và tập II (1954 - 1975). 2002;*

- *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Thượng Ân (1942 - 2000). 2002;*

- *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang - huyện Bạch Thông (1954 - 2000) lưu hành nội bộ tháng 7 năm 2002 (sơ thảo).*

- *Một số văn bản lưu giữ của Văn phòng huyện uỷ Ngân Sơn và của các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng: Đồng Quang Tuấn, Doanh Hằng, Gia Việt Tấn.*

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ CỐC ĐÁN
(NGÂN SƠN - BẮC KẠN)
1942 - 2000

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ CỐC ĐÁN

Cố vấn nội dung biên soạn:

ĐỒNG QUANG TUẤN - lão thành cách mạng

Chỉ đạo biên soạn:

ĐỒNG QUANG HUÂN

Trưởng ban Tuyên giáo huyện Ngân Sơn.

GIA TIẾN NGÀO

Bí thư BCH Đảng bộ xã Cốc Đán.

Biên soạn: **NÔNG VIẾT TOẠI**

Trình bày, sửa bản in:

BẾ MINH HÀ

In tại: Xưởng in NXB văn hoá Dân tộc
Số lượng: 300 cuốn. kích thước khổ 13 x 19cm
Giấy phép xuất bản số: 77/GP-VH
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2003.